

Năm thứ nhất - 8632

Samedi 11 Octobre 1930

REVUE POUR TOUS

TU DÂN TAP CHI



DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 19332

誌雜民四

CLICHE AN - PHONG

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học
MỖI TUẦN LẺ RA MỘT KỲ

Mỗi quyển 0310

IMP. TONN <https://tieulun.hopto.org>

Muôn được da mặt tốt tươi và mau sạch trứng cá



MAU DỪNG

TÂY-THI-LỘ

sẽ thấy kiến hiệu lạnh chóng

Thứ nước này mùi thơm tho phi thường, chuyên trị những bệnh ở mặt như là: trứng cá làn nhang mặt mũi sừng sọc và nổi nhiều nốt con rất khó coi. Vậy mau mua thứ nước này mà xoa độ ít lâu sẽ được da mặt tốt tươi và trắng trẻo hơn xưa, dù già cũng nên trẻ.

Mỗi lọ :

0\$30

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, Hanoi — Giấy nói 805

Haiphong Đại-lý: N° 78, 80, Viễn-Xương phố Khách

Bản Dược-Phòng và các nơi đại-lý đều có sách thuốc biểu

GIẢI THƯỞNG 500\$00

Tên khách Sui-A-Seng ở phố Poterie Nam-dịnh làm thuốc ngã nước sốt rét sốt nóng giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, bán 0\$25 một gói để lừa người không biết.

Tòa án Haiphong đã kết án tên khách ấy 3 tháng tù và bồi thường 500\$00 cùng các tiền án phí nữa cho hiệu Phúc-Đình Père ở gốc hàng Kèn « cây-thị » số 88 Hanoi.

Nếu ai bắt được tên nào giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, sẽ lĩnh thưởng 500\$00.

Hiệu Phúc-Đình Père đã chữa khỏi **hàng mấy triệu người** ngã nước, sốt rét, sốt nóng, cảm, cúm, rức đầu, đau xương, đau tức, đầy hơi, phong thắt, đau bụng kinh niên, đan da giấy, lậu, tìm-la, đi tả, trẻ con cam sài và đủ các thứ thuốc khác nữa, danh tiếng nổi khắp cõi Đông-Pháp và các nước M. Gentizon và M. Vild, Ingénieurs ở Paris có gửi giấy khen và bảo hiệu Phúc-Đình Père gửi thuốc sang để Ngài gửi đi bán giúp các nước, rồi Ngài sẽ lấy bằng các nước cho. M. Gille Georges Chánh (Douanes) Cầu Giát, M. Apostoli Chánh (Douanes) Hà-Trai M. Robert Kraemer ở Service Santé Hongay và các quan tây khác có cho nhiều Certificats khen nhiều thứ thuốc rất hay.

Thơ và Mandat xin cứ đề Phúc-Đình Père dit Trần-viết-Bính Boulevard Gia-Long N° 88 Hanoi.

Téléphone N° 880.

TU' DAN TAP CHI

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LÊ RA MỘT KỲ

TÒA SOẠN VÀ TÒA TRI-SỰ — SỐ 26, Phố Hàng Đậu, Hanoi — Téléphone n° 847

Giá mua báo ĐÔNG - PHÁP

Một năm. . .	4p.80
Sáu tháng. . .	2 50
Ba tháng. . .	1 30
Mỗi số. . .	0 10

NGOẠI QUỐC

Một năm. . .	7p.00
Sáu tháng. . .	3 50

Fondateur : H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM : TIẾT-KIM-BÀNG

TRI-SỰ KIÊM QUẢN-LÝ : TIẾT-NHƯ-NGỌC

Tarif des abonnements INDOCHINE

Un an. . . .	4p.80
Six mois. . .	2 50
Trois mois. .	1 30
Le numéro. .	0 10

HORS DE L'INDOCHINE

Un an. . . .	7p.00
Six mois. . .	3 50

Năm thứ nhất — số 32

Samedi 11 Octobre 1930

MỤC LỤC

Lễ phép — Lịch-sự

Ta nên bỏ cái tính « cầu thả » nó là cái trở lực lớn
cho đường tiến-hóa

Ảnh hưởng của cách chép sử

Lão-thành với thanh-niên

Pháp luật chỉ nam — Đi thề (Tiếp theo)

Tục vẽ mình và sên tóc ở xứ Ai-Cập

Việc học Pháp-văn ở bên Hoa-kỳ

Văn thơ

Văn dịch

Nuôi ong — Phòng bị chó dại

Phụ-nữ — Địa vị người đàn bà trong gia-dình

Cùng bạn trẻ — Con dao thần

Thơ đồ và dải

Tiểu thuyết — Dưới móng ác thú

Chuyện lạ — Khóe lừa con buôn

Một bản luật nên biết — Sách cấm và báo cấm

Thư tín vật

Thời sự

SOMMAIRE

Savoir vivre français
Politesse et civilité (suite)

Le progrès intellectuel est impossible sans un jugement
droit

Causerie juridique — Le serment (suite) A. E. Huckel

L'art de conter des histoires

L'âge mûrit la jeunesse

Curiosité historique

Le tatouage en Egypte

La langue française en Amérique

Poésie française

Poésie annamite

Causerie agricole — l'Apiculture

Rôle d'une maîtresse de maison

Prestidigitation pour tous — Le couteau fabuleux

Charades et rébus

Sous les griffes du Monstre

Décret sur le port des armes, distribution des tracts, des
insignes, etc...

Journaux et brochures interdits

Nouvelles de partout

LỄ PHÉP

Lịch-sự

Ngày nay chúng tôi lại bàn thêm mấy điều mới về lễ phép và lịch-sự. Chúng tôi nói rằng mấy điều mới vì chúng tôi trước đã nói trong Tạp-chí số 29 ngày 20 Septembre 1930. Trong bài «gây nên cái ý hướng sở thích», chúng tôi nói rằng sự lễ phép là một cái đức tính để gây nên ý ấy.

Lễ phép là cái gì mà cần cho người đời đến nỗi ta phải nhận rằng nếu vô lễ thì không ra người ?

Lễ là các cách người ta đối phó lẫn nhau cho khỏi phát ý mất lòng, giận giữ, cục cằn.

Thủ lễ là mọi cách đều phải tử tế, ngôn ngữ, cử chỉ, phải cho hợp thời. Thường khi quên cả mình. Người có lễ chỉ để ý đến kẻ khác.

Một nhà đại danh bút Pháp có bài thơ vịnh về lễ độ như sau này :

« La politesse est à l'esprit

« Ce que la grâce est au visage ;

« De la bonté du cœur elle est la douce image,

« Et c'est la bonté qu'on chérit.

Lễ phép mà ở bên trong,

Nhân hiền tại mạo đều phong ra ngoài.

Lòng lành in tấm hình hài,

Bởi lòng lành ấy cho người kính yêu.

Nói tóm lại thì lễ phép là cái thú vị trong việc giao thiệp. Một nhà đạo đức học đã nói khôi hài rằng : Nhân quần họp nhau lại chỉ là để đánh đập nhau. Muốn ở cùng xã hội thì phải phép tắc, bằng không thì ở một mình.

Cũng có người lại nói rằng cái lễ phép là chỉ có bề ngoài thôi. Một người có lễ phép không hẳn là người đã tử tế, công bình, chính-trực, ăn nghĩa ; coi bộ thì thế mà có lễ không được thế.

Cái thuyết ấy cũng thực, tuy nhiên rằng cái bề ngoài ấy cũng có khi (tùy lúc mà biến hiện ra được, nhưng cái bề ngoài mà thế cũng đã là khá lắm.

Nếu như vậy thì người coi ra có lễ phép, công bình, chính trực, sẵn lòng giúp đỡ chỉ có vẻ thế thôi chứ không thực được nét nào ư ?

Người thực nét na đức hạnh thì không có gì là ăn tình, mình thực thế nào là hiện ra thế.

Người hoàn toàn thì cái tinh thần tất biến lộ ra ngoài rất là lễ phép nét na, ai thấy cũng phải quý trọng.

Lễ phép là một cái nguyên tính ; có học vấn thì có rộng ra chứ thường cũng không học mà được.

Vậy thì học được cũng khó thực, bởi vậy nhiều khi những kẻ gặp thời, kẻ giàu nổi cũng tự biết mình rằng thiếu mà cố học lấy cũng không được.

Nếu lễ độ là một cái thiên tính giới cho, thì lại càng nên luyện cho cao thượng hơn lên, thêm quý hơn, thêm thực hơn, và biết tùy thời đại mà thay đổi cho được hợp.

Ta phải nên biết rằng dữ lễ chưa đủ là lịch sự.

Lễ phép thường và nghi-tiết khác nhau. Nghĩa là hai người thường đối với nhau khác, ra nơi đại-lễ hoặc quan-cách thì lại khác. Từ nói, từ viết, hoặc tiếp-kiến nhau đều phải theo ngôi thứ phẩm trật mà đối phó thì mới khỏi thất nghi.

Cứ như thế thì lịch sự tức là biết cách cư xử đối phó lẫn với nhau, biết tùy giai-cấp tùy trường-hợp mà theo lễ lối sử chỉ lui tới đối với người ngang hàng, với bậc trên, với quan-trưởng.

Ở các nước cổ ở Á-Đông này, trong một thời đại khá lâu không thay đổi gì, không chịu cái ảnh hưởng bên ngoài vào ; như là Trung-Hoa, Ấn-Độ, Nhật-Bản, Siêm-La, và cả Việt-Nam nữa, mỗi việc, phạm công, phạm tư, nhất nhất là phải theo khuôn phép cả. Nhất nhất điều nhiệm nhứt, từ đi đứng, từ ăn mặc, miệng nói, tay làm, là có chế độ cả. Có khi chỉ sai nhảm một tý cũng đến có tội được. Cứ xem trong sách luật Trung-Hoa, Hoàng-Việt và Nhật-Bản thì đủ biết.

Ngày nay thì nhiều nước tuy vẫn dữ những cò tục trong lúc lễ nghi nhưng những tục ấy không đến nỗi ngặt quá hoặc cũng đã trăm-trước bỏ bớt những cái phiền-văn quá như đời xưa.

Như ở Ấn-độ thì dân sự còn phải theo nhiều cái tục lệ hẹp hòi, có khi trái cả nhân đạo nữa.

Ở Mỹ-châu cũng có lệ người Mỹ không ngồi với người gia đen và gia vàng. (kỳ sau sẽ nói về cái vấn đề chủng loại)

Còn như ở Âu-châu nước Đại-Pháp và nhất là bên Ý-Đại-Lợi, thì các nghi-lễ cả công lẫn tư cũng giảm đi nhiều. Duy chỉ có về Tôn giáo là cần thiết đời đời nên vẫn dữ y nguyên.

Ở bên Pháp, cách giao thiệp tư gia với nhau thì tự gio hơn, thực hơn, và thân mật hơn xưa, cùng là các xứ khác. Cách khúm núm đề tiện khả dĩ như trong mấy dân tộc khác, — như tính chất người Phò cá hạn — thì tuyệt nhiên không có.

Ở bên Phò, trong xã hội, từ trên cho đến dưới đàn ông hoặc đàn-bà đều lấy danh vị mà gọi cả. Như quan giáo thì bà giáo, quan Đốc thì bà Đốc, quan Nghị, bà Nghị, vân vân... Ấy đại loại kiểu hành như thế thì có phải thuần là những cách nịnh nọt quá không.

Khốn thay cái thói su nịnh cũng vẫn không bao giờ hết. Ta thường thấy lắm kẻ nhất vị chỉ tán dương, chẳng đáng khen cũng khen, trái cũng cho làm phải, bạ lúc nào cũng tán tụng được.

Những người Phò, giàu mới nhất kiến, cũng đã làm thân thân thiết thiết, nói như cho rắn trong lỗ bò ra, thành ra việc giao du như vậy thì còn lấy gì làm chắc nữa.

Ở bên nước Anh thì lại trái hẳn thế. Một người Anh có gặp ta mà không có ai giới thiệu ta thì họ cứ đứng lặng yên tận đằng xa. Mà giới thiệu thì cũng khó hoặc mình có danh giá gì, hoặc giàu có lắm mới được. Ở xứ ấy cũng như ở xứ khác, đâu mà chả vậy. Có tiền vẻ vang lắm. Cũng có khi tuy không phải cứ có tiền người ta phải quý phải nể, nhưng có tiền thì cửa nào cũng lọt, những cửa mà không trọng lộc cao vạ không vào được thì cũng lọt cả.

Người Ý-đại-Lợi thì lại lễ độ quá, ăn nói ngọt ngào, tính tình, khéo cho đến nỗi không hiểu được là họ thực tình hay là chỉ khẩu đầu mà thôi.

Người Bắc-Mỹ-Châu, tuy đã tấn tới lắm, nhưng cũng vẫn chưa được lịch sự. Cách lịch sự cũng tựa hồ như một quả càng lâu càng chín.

Ta hãy xem như một người hành khách Mỹ đi đường thì tất là chỉ lo thu rón cách nào cho được tiện lợi cho mình không e nề gì người khác. Tuy bên ngoài họ tự do thể nhưng kỳ trung họ thực là có bụng tốt và thẳng thắn lắm. Họ không ích kỷ như người Anh.

Còn người Nga thì ta chả nói làm gì, hiện nay ở nước ấy thì còn gì là phong hóa lễ phép nữa, chỉ có những tấn thảm thương mà thôi.

Ngày xưa, chừng độ ngoài trăm năm nay (chả cần phải nói rõ là đời nào) trong những nước có tiếng, nhiều nước nhà vua sắc ra cho quần-thần nhiều cái nhỏ mọn tức cười, như là : ngồi không được lung lay ghế, giữa không được giả đồ sát vào lưng ghế, ăn uống không được đầy mồm, không được vút xương xuống gầm bàn, mút ngón tay, nhổ vào đĩa, si mũi vào khăn bàn.

Lâu dần ít thấy có người ăn xong rồi súc miệng kỹ nhay nhọt vào cả trong một cốc nước.

Ước chừng đã 40 năm nay, tôi có ngồi dự tiệc một ông huyện ở Algérie thết các quan chức Arabes. Bữa tiệc sang trọng lắm. Các quý khách vui vẻ ăn uống thỏa thuê, duy chỉ không có rượu vì theo lễ Hồi-Hồi không được uống rượu, chỉ uống nước chanh, các thứ rược ngọt, nước chè pha bạc hà, hoặc nước lã, vân vân... Khi ấy cũng có mấy người Đại-Pháp dự tiệc nữa nhưng chưa quen, mới ăn tệc ở Algérie lần thứ nhất, mà chủ nhân cũng vô tình không nói chuyện trước cho rõ, nên khi ăn xong rồi đến lúc ngồi vào uống cà-phê, thấy nhiều vị khách ợ luôn luôn mãi thì đều lấy làm lạ lắm. Mà người nào người này hễ ợ rồi thì lại nói tiếng Ả rập rằng : « Ta trời đã giáng phước cho được no say. »

(Còn nữa)

L.V.



Ta nên bỏ cái tính « cầu thả », nó là cái trở lực lớn cho đường tiến hóa

Tính cầu thả là tính làm việc gì chỉ biết trước mắt, không nghĩ chi cái kết quả ra sao? Làm miễn là xong việc thì thôi. Việc gì cũng trông ở thiên-lực nhiều hơn nhân lực.

Nước ta chịu cái ách cầu thả kể đã lâu đời, cái ách ấy đâm chồi nảy rễ đã thành tập quán.

Cái cơ sở thành quốc là ở bốn bậc sĩ, nông, công, thương, mà bốn bậc ấy đều khuất phục dưới ngọn cờ « cầu thả ».

Bậc sĩ là giường cột cho nước, ngoài cái tính thần khoa cử, vinh thê ấm tử không còn cái tư tưởng nào khác?

Cái học của các bậc ấy là cái bả tư tưởng của cổ nhân; cái óc của các bậc ấy làm nô lệ cho cổ nhân. Học được mấy bộ tứ-thư ngũ-kinh, lúc đi thi ở đấy lại lòi ra. Ở cái cũ không đào tạo ra được cái mới. Động nói câu gì là lấy cổ nhân làm khi cụ. Bởi vậy chữ nước mình là quốc hồn mà không chịu sáng chế ra, ngồi chỗ nào cũng rở chữ Hán ra, vì gặp cùng tay nghiên bút, câu truyện mần nông cho thế là tao nhã, rủi gặp người không biết chữ Hán, thì cho là quê mùa hủ lậu. Lấy chữ nước ngoài ghép vào làm tinh thần nước mình, nguyễn lại chữ nước mình lấy làm khinh miệt. Nhớ ra khoa cử lằng đằng thì cho như là đời mình hư hỏng. Xoay ra ông lang, ông địa, ông đồ đều cũng mơ hồ mờ mịt, chén thuốc lạy giới, địa bàn cây đất, cái giới mây ngất rguổng chờ tháng tư lương.

Ấy chỉ đều có thể, rồi ông nào có hay ngam vịnh thì một vài câu thơ ần dật bậc đời, ề a cho tiêu khiển. Rút lại cái bậc sĩ đời xưa ngoài đường khoa cử, đường học nghiệp không biết lối nào khác nữa. Đời xưa thực không thấy ông nào học để khảo cử bao giờ.

Bậc sĩ thì vậy, bậc nông là nguồn sinh hoạt của

nước, mà nhất là ở nước ta, bậc nông thật là trọng yếu, thì từ bao giờ cây vắn cây ấy, cuộc vắn cuộc ấy. Vùng đất mênh mông vẫn một người một trâu lỉ dỉ cây đất, mùa màng hồng được trông cậy ở giới. Đối với thiên tai cho là thần thánh. Từ xưa đến nay trong đường nông nghiệp chưa sản xuất được cái chi là cái mới. Bây giờ nhà nước chỉ cho cách dân thủy nhập điền thì ý kiến ấy cũng không phải là của mình.

Bậc « nông » thì vậy, còn bậc « công » thì sao? Nói lại thêm buồn, vì người gọi là bậc « công »; thực không xứng đáng với tên ấy vậy!

Người gọi là bậc công mà làm cái gì cũng quấy quá song việc thì thôi. Cái bàn miến là ra hình cái bàn, cái ghế qny hồ ra hình cái ghế. Ví có muốn làm đồ đất tiền thì chạm rồng chỗ phượng, ở ngoài lòi loẹt làm sao, ở trong đồn tề làm vậy; đối với con mắt mỹ thuật không có chút chi là khả ái. Lại còn một thói rất đồn tề là bẽ hàng đất thì đồ hàng lại giảm phần tốt đi, cái óc nô lệ ấy thật gieo một cái phương hại rất lớn đến nguồn kinh-tế.

Còn đến bậc thương lại càng thua kém nữa. Các nhà thương gia phần nhiều ít học, mỗi buôn chỉ mong một vốn bốn lời mà cái phương sách một vốn bốn lời ấy thì không chịu nghĩ đến. Cái cửa hàng miến là nó là cửa hàng. Thấy vậy, người mua thưa vắng, người buôn muốn được lãi phải giở chính sách điều trá, người mua vì thế đem bụng tin cho người ngoại quốc. Minh ế đồ tại vận mệnh.

Trong nước trông mong về bốn bậc mà sĩ là thế, nông là thế, công là thế, thương là thế, ta thử xem cái kết quả vì đấy ra sao?

Bây giờ trong bốn bề năm châu, ngọn cờ thương nghiệp làm chúa tể, đi đến đâu cũng có cái lực lượng rất ghê, chẳng khác gì bão gầm sóng át. Thế

mà ngấm vào nguồn thương nghiệp nước ta, một vài cái cửa hàng con lộn xộn, chen chúc vào các hiệu đồ sô của người ngoại quốc. Người quản-lý thì một người đàn-bà yếu ớt tay bế con, tay bồng cháu. Buôn muốn được nhiều lãi mà lại muốn phí ít công, làm tờ cáo bạch ngại tốn, đặt kế toán thì kêu là phiền phức. Ngán thay giữa thế kỷ « Darwin » này mà các nhà buôn còn bị cái độc di truyền cầu thả hãm bại thế.

Hoặc bây giờ ai hỏi một nhà buôn ta : « Ông năm nay lãi được bao nhiêu ? »

— Kề cũng loàng soàng, tháng lãi ít, tháng lãi nhiều không sao mà tính được ».

Câu giả nhời hồ đồ ấy thật là cái phát tích của vết nội thương trầm trọng kia vậy. Kề tựu trung bây giờ cũng có hiệu buôn lập thành quy nếp, nhưng mà phần ấy rất ít ; vả lại người Âu Mỹ buôn nghìn bán vạn, nhà máy sừng thợ ngất giới, mà lời lãi tính vẫn phân minh đâu ra đấy. Cái tri và cái thuật buôn bán ấy ta đã mấy người đo được chưa ?

Nghề thương ở nghề công phát sinh ra, thế mà các công nghệ thì không sao gọi là mỹ-thuật được, xưa sao vẫn vậy. Ví ai được cho đồ mỹ sảo gì của ngoại quốc mà bắt chước, thì chỉ bắt chước may ra được cái vỏ. Ví như cái bàn, thì cũng bắt chước người làm cong, làm uốn, nhưng chỉ được mặt ngoài, mặt trong vẫn rậm rạp. Ai hỏi thì : « Ôi ! phải vậy, ông tính Annam dùng sao chẳng được ». Cái óc ấy bởi bây giờ còn nguyên thế nên trong các hiệu buôn ta chứa toàn đồ ngoại hóa. Như thế nguồn kinh tế may mắn ra chỉ ảnh hưởng về phương diện cá nhân. Các người theo về đường công nghệ nhiều người thất nghiệp.

Người làm công nghệ bây giờ phải bước khùng hoảng là thế, đến như các người theo nông nghiệp bây giờ một năm bao nhiêu lần hai sương một nắng cháy da xém thịt mà vẫn không khỏi cái hạn hán. Còn không nói cái nạn lụt là cái thiên tai ghê gớm. Cái khổ thóc kém sây ra luôn. Thế mà bây giờ ai bày ra cái quy mầu ích lợi của Âu Mỹ thì lại cho một câu là « phiền phức ».

Nhà nông đương vào cảnh vất vả thế thì trong rừng học kia bao nhiêu ông dù học nghiệp thành tài hay là giở giang đương ôm cái bằng cấp hay cái giấy bảo lãnh (certificat d'emploi) đi cùng các

công, tu-sở xin việc. Cái phương lược khoa cử xưa đã đổi ra cái kế sách kiếm gạo ngày nay. Vào lườn ra cúi dù sao cũng cho là vinh, chứ mà cái cây cái cuốc quyết không thêm mớ đến. Kề ra cũng có tay gọi là học giả đời nay, nhưng phần ấy cũng là ít quá.

Ôi ! trong đường học nghiệp có cái lẽ dở và cái ngộ hiểm như vậy, chẳng phải là cái độc di truyền cầu thả sinh ra ư !

Nom vào nước người ta như hoa thêu gấm rệt, đường học nghiệp thì chia ra từng khoa từng viện, những khoa viện ấy lại giúp vào đường sinh hoạt kia : « nông thì có trường canh nông làm căn cứ, « công thì có trường công nghệ, ở đấy cái mỹ thuật chỉ dẫn đường tinh sảo ; « thương » thì có thuật kế toán hộ vệ, các bậc đều giắt nhau lên đường tiến bộ. Những cái cốt yếu của người có trật tự thế, rồi đến cách ăn ở cũng đều ngăn nắp. Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, phòng nào riêng rẽ phòng ấy ; áo thì chia ra áo ngủ, áo đi chơi, áo đi săn v.v... nhất nhất cái gì cũng trật tự. Nhưng bao nhiêu cái trật tự ấy, nói tóm lại đều ở cái tỷ mỹ mà ra.

Người ta vì tỷ mỹ mà văn minh, vì tỷ mỹ mà có tinh thần tiến thủ mà được phú cường, mà dân chúng đều được hưởng kết quả tốt.

Cái óc của ta bây giờ đã được ngọn đuốc của người soi vào, hơi chút biết tỉnh ngộ, chẳng nên cố tình giắc hẩn giục nhau mau bước lên con đường tiến bộ mà triệt bỏ cái tính cầu thả đi ư !

Người « Sĩ » nên lấy tinh thần khảo cứu làm then chốt mà cũng đừng nên lấy ba nghề kia làm khinh miệt, người « nông » trẫm vào đường cải cách nông nghiệp. Người « công » nom vào đường mỹ thuật người mà đua chen. Người « thương » lấy phép kế toán làm phương hướng, nhất định phứt trừ cái tính cầu thả là cái di độc nó đã ngăn trở đường tiến thủ của ta đã bao năm. Mỗi người cùng nỗ lực như thế, lo gì chẳng chen chân được lên vũ-đài.

Người Âu-châu có tự khoe : « Nước chúng tôi văn minh ở cái phiền phức ». Ta nên lấy câu ấy làm chỉ-châm mà phấn khích tinh thần tiến thủ.

TÙNG-KHA

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH CHÉP SỬ

«Vua Đinh-Tiên-Hoàng là con con gái cá, lại nhờ được mả ở mồm ngựa đá đáy sông, thì còn gì là sự nghiệp vua Đinh» một cậu bé học sử nói thế. Cậu lại nói: «Thực tài vua Đinh, nếu không có ngựa đá đúp cho có lẽ cũng chỉ là anh chàng lợi rồi.»

Ồi thôi! công trình chép sử vua Đinh để làm gương cho hậu tiến làm, sự biết ơn với anh hùng bây giờ chẳng qua chỉ là công uổng phí.

Đấy cách chép sử thêu dệt những sự mê tín vô bằng, những điều huyền hoặc, có cái ảnh hưởng vô vị là dường nào.

Thế mà từ đầu quyền Nam-sử cho đến tận lúc vua Gia-Long lánh nạn cá sấu gần thuyền, bẻ dâng nước ngọt, biết bao là điều huyền hoặc, khiến cho cái kết quả của người Nam học sử không được như nguyện chút nào.

Có nhiều người chách trẻ nước ta không ưa học sử Nam mà chỉ thích xem sử Pháp, nhưng trước hết ta chỉ nên chách lối chép sử vụng về chán nản khiến cho người đọc đã không có bổ ích, lại không thấy vui ham, chứ trẻ con học sử có thiên vị gì đâu.

Một đứa trẻ mới bắt đầu học sử mà thấy chuyện hoang đường trong lòng chỉ mê thần thánh mà giảm mất cái cảm tình với bậc anh hùng, hào kiệt, vậy người chép sử chỉ đủ bốn phận kính giới mà thiếu bốn phận biết ơn tiền bối mà gây giỗ hậu sinh.

Người chép sử hoặc biên dẫn từng việc xảy ra như các quan biên sử trong Huế bây giờ, hoặc bằng cứ ở sách vở, hay tục truyền của dân gian. Nhưng học thuyết của người biên từng việc xảy ra và chinh độ dân gian còn ở quãng hoang đường thì trách sao sử khỏi mơ hồ như thế.

Ngày nay đâu có người biết nhưng sử chỉ là cái bóng của lòng người, lòng người chưa đổi, bóng đời làm sao cho được. Nếu bây giờ viết lại những điều trong sử bỏ bớt hoang đường thì có ít người

muốn hiểu, mà phần nhiều lại cho những điều sửa mới là sai, là bịa đặt mà thôi.

Thế thì về sự hoang đường ta chỉ nên mong ở cái óc mê tín sáng dần, cái học thức thực hành mở rộng, rồi lòng người tỉnh ngộ bao nhiêu, cái bóng tức là quyền sử thay đổi bấy nhiêu.

Thực thế, sử chỉ là bóng của lòng người, vì đưa trẻ trước khi ngồi lên ghế nhà trường, hay những người vô học đều đã nghe ở mồm các ông già bà cả kể những truyện trong sử nước mình mà phần nhiều là những truyện hoang đường. Cái hạt giống ấy mà gieo vào chỗ đất mới cây trước nhất, nảy ngay năm, sang ngay đề, rồi không sao đuổi nó đi được nữa, thế thì nó có bóng rồi, sử sách chỉ là kể lại, chẳng là bóng của nó hay sao.

Phải, có người bảo nước nào sử chả có hoang đường, tôi cũng tin như thế, như bà Jeanne d'Arc ví nghe thần thánh sai đi dẹp loạn nên thành công, hay là sử Tàu thì lại càng nhiều lắm, nhưng có mà suốt quyền sử Pháp chỉ có một vài chuyện mơ hồ, còn nước Tàu và nước ta thì vẫn là một, viện chứng cũng không có hiệu quả gì. Vả lại sự sai lầm há cứ lấy sự sai lầm khác mà bình vực được hay sao?

Tôi còn nhớ khi xem chớp bóng tích bà Jeanne d'Arc thấy có thần có thánh từ bấy mất cái kính phục sự nghiệp của bà đi nhiều mà dấu không muốn tin như thế, cái tự-nhiên nó cũng cứ phảng phất bắt mình hơi tin vì cái tính tự cao của loài người thích tìm một cái bằng cứ để giảm cái hay cái giỏi của kẻ khác. Biết đâu bao nhiêu những sự hoang đường phần nhiều chả vì thế mà có cả.

Tôi lại nói rằng sách chép sử nhiều hoang đường không những làm giảm cái giá của tiền bối, mà lại còn hại cái tiền đồ của thiếu niên. Vì đã cho những sự nghiệp anh hùng là phần nhiều có thiên cơ tiền định, ám trợ cho nhiều, thì cái trí quả quyết, mạo hiểm cũng giảm bớt mà cái lòng mong ở giới đất lại mạnh hơn, như thế còn có gì là giúp cho công cuộc tiến hành cho dân tộc.

Đến đây tôi mới bàn được vì cách chép sử dùng nhiều hoang đường và có ý nói chung, nhưng riêng về sử ký nước Nam. Cách biên chép còn có nhiều điều khuyết điểm tôi hãy xin kể cái lối chép sơ sai quá, chỉ trọng ở công việc của vua, mà khinh công việc của dân, chỉ chép việc binh đao, mà khinh việc văn học, như thế thì quốc dân xem sử không thấy đi động đến mình, cái lòng tự ái nó bị phạt, cho nên hay sinh ra chán nản.

Thực thế đến cả việc công của ông vua cũng chép mà tuyệt nhiên có bao giờ thấy chép rằng trình độ dân năm ấy thế nào, ý tưởng dân ra sao, dân có đói hay không? Cho nên sử nước Nam chỉ nên gọi là *chuyện các vua nước Nam thì đúng hơn*. Nếu có người nói là chép chuyện loạn ly giặc cướp, thế chả là chuyện dân sao? thì tôi giả nhời rằng loạn ly giặc cướp toàn là ý muốn của ông vua thì chép chuyện ấy cũng là chép chuyện ông vua hết cả.

Một người ngoại quốc xem sử nước mình chắc phải ngạc nhiên mà không biết phong tục nước mình thế nào, luân lý thế nào chỉ thấy những chuyện chiến chinh liên tiếp. Như thế vội tưởng là nước mình là một nước hiếu binh nhưng có biết đâu là nước tôi là một nước chỉ thích ngồi uống rượu ngâm thơ lấy chữ nhàn làm cốt, nhưng ngán nổi, người chép sử bỏ hết các việc khác chỉ chép việc ông vua sai khiến, mà ông vua nước tôi thì phần nhiều chỉ biết sai khiến sang cống sứ Tàu, hay là lúc nào thấy cái ngai vàng sắp đổ, chỉ biết ngồi trong cung mà sai dân ra đòi tuổi máu để gắn ngai vua cho bền chặt mà thôi.

Nói chuyện về chiến chinh, về hiếu thắng tôi xem sử nước Pháp, và các nước Âu-châu không thấy nước nào đã một phen đắc thắng lại mang vàng lụa sang lạy nước vừa thua, dẫu những quân nhỏ đối với những nước hùng cường cũng không bao giờ có thế.

Nước mình thì nói cho đúng không được trận nào, vì trận nào kết quả cũng lại là mang đồ sang cống Thiên-trào hết cả. Cái quốc thể, quốc nhục là ở đấy chứ ở đâu. Cái tình nhu mì, hay cương ngạnh ở đấy chứ ở đâu.

Lại nói đến sự người nước ta khinh nhà binh sĩ, ưa uống rượu, ngâm thơ, lấy chữ nhàn làm cốt, thì

tôi lấy làm lạ rằng suốt trong quyền sử chữ đời, ông Lê-Taánh-Tòa, không có chút chi về văn học. Nếu người ngoại quốc thấy nói nước ta là nước văn hiến mà xem sử thì phải bực mình là đã nghe nhầm chứ có thấy vết gì là văn học. Đến như các trẻ con học sử, nếu gặp đưa tinh danh, có tinh tò mò mà hỏi thầy: nào là ảnh hưởng việc này, cùng nguyên nhân việc khác thì có nhẽ cũng nhiều khi ông thầy phải đánh chống lảng đi chuyện khác. Thế có phải là lỗi ông thầy đâu, chỉ là lỗi cách chép sử mà thôi.

Tinh thần sử-học là ở sự ái-quốc sự quý anh-hùng, sự sửa mình, sự bắt trước và nhất là sự suy nghĩ khôn ngoan, thế mà cách chép sử của mình đã làm mất những tinh thần ấy nhất là sự suy xét thì trí khôn còn có bổ ích gì ở sự sử-học nữa.

Một nước có đã bốn nghìn năm mà quyền sử vẫn còn lộn-bộn, chép sơ sai, bọn học trò lười chắt cũng không lo là mai sau phải học sử Nam nhiều quá.

Những cái khuyết điểm ấy về phần hoang đường thì không chữa được nữa vì như tôi đã nói trên, nó đã thành dễ ở lòng người học sử, ở dân gian, ta chỉ mong ở sự kiến thức sau này cải chính dần dần ở lòng người cho họ, nhưng về phần chép sử sơ sai thì nếu trong nước có nhiều người thức giả chịu xuru tầm mà hồ cứu dần dần theo lối chép sử Tây mà viết thì có nhẽ cũng có ngày có kết quả như lòng nguyện vọng.

Bộ sử của ông Trần-trọng-Kim mới chép ít lâu nay, học trò xem ra đã ham đọc, và đã có nhiều chỗ có nghị luận mới rồi (vì từ trước tới nay người chép sử không có cái can đảm để tỏ ý riêng mình, mà chính những cái ý riêng ấy nó làm cho quyền sử vui, người xem sử như ngồi nói chuyện với một người thuộc sử, có tư-tưởng, chứ không phải là ngồi trước màn bóng chạy lượt mà thôi). Bộ sử của ông Kim có thể gọi là có giá trị lắm, nhưng cũng còn chưa được hoàn toàn vì sự sưu tập tuy đã có công nhưng chưa đủ được.

Tại sao bộ sử của ông Kim có giá trị thế, phải chăng là ông đã biết hòa hợp cái tinh thần nho học với cái tinh thần tân học, để bỏ bớt sự dè dặt mờ tối, mà thêm vào những tư-tưởng tân-thời

mà những điều có thực, khiến cho người xem sử thường thường không phải như nhật dau, chọn điều sai, điều đúng nhọc lòng.

Nếu các người tân học đều có tư-tưởng như ông Kim, biết đâu rằng chả có nhiều người bỏ cứu cho bộ sử Nam được nhiều để cho bộ sử có ít nhiều giá trị.

Nếu sự học sử Pháp mà bắt buộc ở các trường không những là cho trẻ con biết rộng mà lại có cái lợi là cho bọn trẻ biết so sánh hai cách chép sử

khác thế nào. rồi rần rần, có đủ tài liệu biết đâu chả vì học sử Pháp mà có người chép lại được sử Nam, vì cứ ý tôi thì cách chép sử Pháp đã rõ ràng, khôn khéo lắm, nhưng đẩy chằng qua chỉ là điều ước vọng mà muốn điều ước vọng ấy thành, cách giấy sử bây giờ phải sửa đổi bỏ bớt hoang đường mà bắt học trò phải dụng tâm suy-nghĩ để chờ lúc có bộ sử mới chép nên.

LÝ-NGUYỄN-BÁCH

LÀO-THÀNH VỚI THANH-NIÊN

Những khi thanh nhân, uống rượu ngâm thơ thường thấy các cụ bình phẩm đến phái thanh niên ngày nay. Các cụ cười bọn trẻ có tính khi ngông chỉ vui lúc hiện thời mà chẳng lo việc tương lai, lại hay đổi cũ thay mới làm tổn hại cả phong hóa nước nhà. » Xem thiếu niên ngày nay xa xỉ quá độ, không được mấy người giữ được nề nếp cũ. Khi còn ở nhà cha mẹ hảo đều chẳng nghe còn dùng tới roi vọt thay lời, nhưng lúc lon len, học hành được ít nhiều, bè bạn quen biết đã lắm, tâm tính lúc bấy giờ khác hẳn khi xưa, bố mẹ bảo chẳng được. rần chẳng nghe. cứ tự cường tự khí. Ôi ! sao họ chẳng nghĩ vì ai mà có mình, vì ai mà mình được khôn lớn như ngày nay. Cha mẹ sinh con ra mong cho chóng lớn để trông cậy lúc tuổi già, nào ngờ đâu cái hi vọng đó chốc đã thành câu truyện hão.

Ta thường thấy lắm kẻ nhờ cha mẹ học hành được chút đỉnh đã tự thánh tự thần, lộng đảo làm con đối với tôn trưởng cũng chẳng ra gì. Bao nhiêu cái thuần phong mỹ tục của xứ này nay đâu cả ? Thậm chí kẻ học thức hơn người làng nọ bằng kia mà coi cha mẹ như kẻ thuộc quyền, động một tý là rở tay, miệng nói câu văn mình mà hành động một cách tối dã man.

Có cậu tuổi đã cao mà còn chát vật với chữ công danh, thấy anh em ăn mặc dài dĩnh, quần áo bảnh

bao, cũng đua nhau ăn mặc, chạy chọt đi làm, kiếm một chân thư-ký xoàng trong các sở, cầm cùi xuất tháng biết bao khó nhọc thế mà họ còn tưởng là đồng tiền dễ kiếm, đem chơi bởi phung phí, bỏ hàng tháng lương ra sắm lấy một bộ cánh, ăn chẳng dám ăn, cầu sao cho được choáng mã dễ cưỡi, Cái tật đua đòi ăn mặc ngày nay đã thành một cái lệnh truyền nhiệm cho khắp thanh niên. không mấy người là không mắc phải cái bệnh điên rồ ấy....

Chiều đi làm về, gác ô treo mũ, ăn cho mau chóng lại thắng bộ đi riều phố, bảo đi chơi mát đã đành, các cậu phần nhiều không phải mục đích ấy chính vì con oanh cái yến mà đi, các cậu làm lắm trò như nhuốc khó coi.

Nhất là các thanh niên ở nơi thành thị như chốn «ngàn năm văn vật» này lại càng đáng phàn nàn hơn nữa. Mới một tý tuổi đầu mà đã xo vai rút cổ, đi hát xướng chơi bởi lãng phí ngày xanh chẳng biết tìm đường hạnh phúc mà theo chỉ quý hồ được ăn chơi la sướt. Cũng chỉ vì họ không chịu suy xét rộng, tính khí nóng nổi xui nên thế. Ta càng nghĩ tới thanh niên bao nhiêu lại càng lo cho cuộc tương lai nước nhà bấy nhiêu, họ chưa được từng chải như ta nên cứ ăn, cứ chơi, cứ tiêu, cứ phá, nào có biết đâu cái khổ lúc già...

Các cụ chè thanh niên nhường ấy, thanh niên há chẳng có lời gì thừa lại hay sao? Các cụ buộc thanh niên các tội đó thực có thật không sai, chắc các anh em thanh niên đều dơ tay nhận lỗi.

Nhưng: tuổi nào có tật xấu ấy, già vui cảnh già thì trẻ cũng vui cảnh trẻ. Đã sinh ra ở đời ai chẳng biết cuộc đời đáng chán mà vẫn tham sinh úy tử, có hại đấy mà vẫn mê man. Phải chăng bộ máy chạy hàng ngày còn có lúc lau dầu cho nghỉ, hưởng chỉ loài người, mà nhất là lúc đương ở vào thời kỳ niên thiếu, lại càng thích hiếu động hơn nữa. Trải bao năm đèn sách hao thần tổn lực cũng phải tìm lấy cuộc chơi cho khoái chí, chỉ trừ ra những kẻ vì tình vô cảm mới du dú trong xó nhà, hỏi những người đó còn biết đời là cái chi! Hay kiếp trước có nợ nần chi cùng « mẹ nó » nên kiếp này làm trâu kéo cày trả nợ?

Trong đám trẻ tuổi giang hồ đã chắc đâu toàn phường hư hỏng, chính vì trên đời thiếu bạn tri âm, không ai trò truyện nên đành gửi thân vào chốn yên hoa.

Vả lại đã trót nhập thế-cụ chẳng chơi cũng thiệt làm được bao cữ dùng cho hết, cữ diện cho đúng mốt, cữ chơi cho lở đất long giời rồi dầu sao cũng là một kiếp, khi có tưng tiền tiêu đã có quỹ tây đen. Chơi mãi cho đến lúc lực tàn, răng rụng, mắt mờ tri nhăng chữa chắc đã thôi.

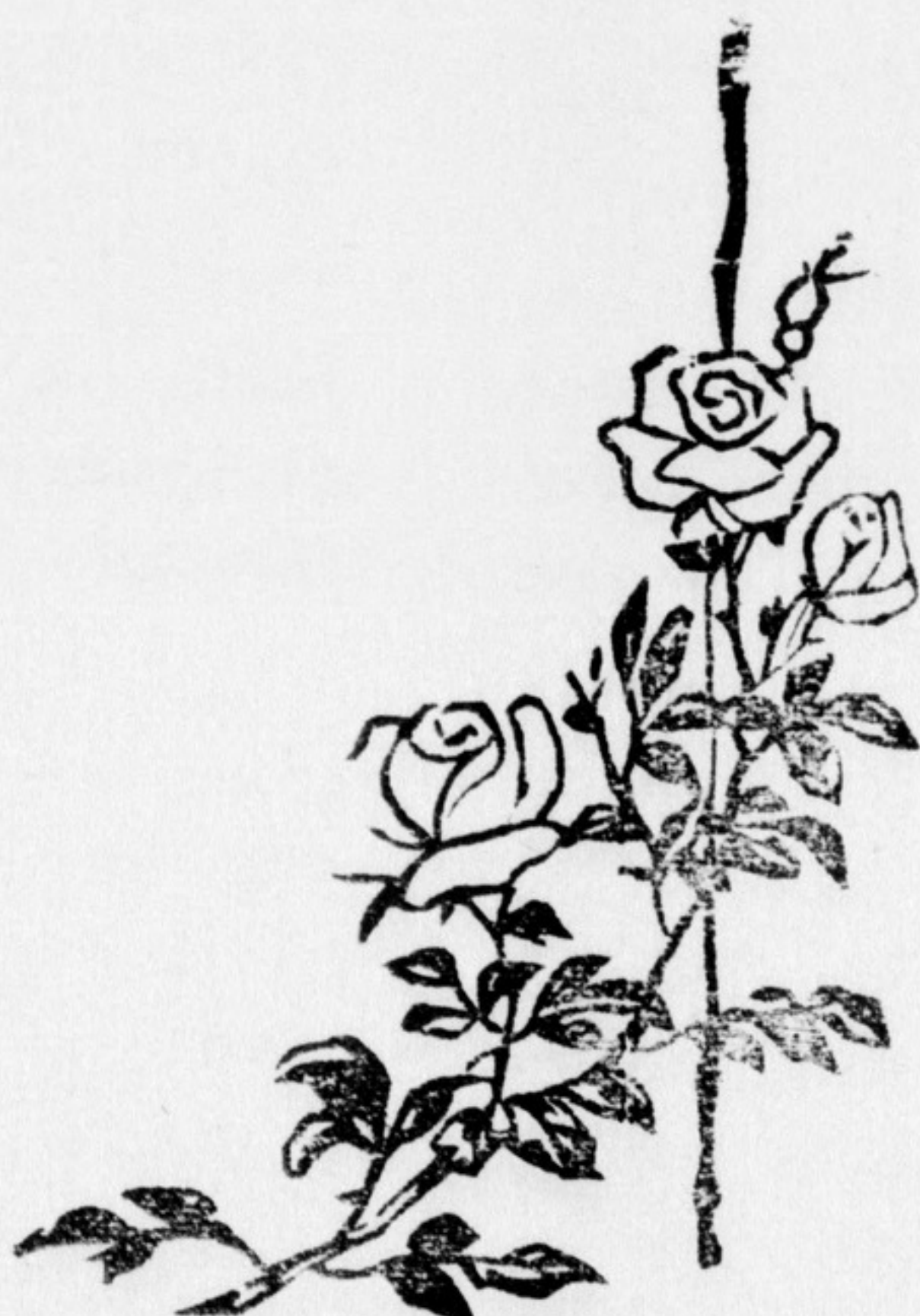
Vậy ở đời dù là bậc lão thành hay niên thiếu cũng đừng coi những kẻ chơi bời là hồng cả. Các cụ chè thanh niên sao các cụ chẳng rõ: lúc tuổi đã nhiều, chơi đã lắm, chết là phải. còn chi đáng tiếc. thế mà các cụ đã thôi đâu, lại còn muốn cái lão hoàn đồng sống thêm ít nữa. Thiếu-niên lại cười các cụ sao đã già còn mê chơi trống bỏi, chẳng làm gương sáng cho kẻ hậu sinh, dầu đã bạc như bông, miệng cười trơ những lợi mà còn chết mệt với chị em. Tai đã đoảng mà vẫn ưa dịp phách cung đàn, mắt đã nhèm mà cũng biết chè cô này già, cô kia trẻ.

Đầu bạc, má dãn, răng rụng, ngồi đâu đứng đâu người đều bầm cụ, nhưng nhân lão, tâm bất lão, vợ lẽ, cô hầu cụ còn muốn một vài cô. Bước đời từ đây đến thế giới cực lạc, ngắm cho cùng chỉ còn gang tấc mà vẫn bài, vẫn rượu say trụy lụy, vậy các cụ cũng lộ cuộc hậu lai đó ru!

Lực cụ đã tàn, tâm thần đã uể-oải, chẳng được hưởng cái thú của thanh niên, chắc cũng nhiều phen oán thăm ông tạo chẳng cho mình sức lực dài lâu. Về phần thanh-niên, cũng tức thay cho các cụ chẳng được phương cường như thanh-niên để hưởng thú của đời.

Bộ máy vẫn xoay, trước trẻ sau già, tuổi nào thú ấy, ta cũng đừng nên vạch áo cho người ngó lưng. Trên thế lộ ta cùng giắt nhau.

Chu-thần PHẠM-BÁ-QUÁT



PHÁP LUẬT CHỈ NAM

Causerie juridique

LE SERMENT (suite) (droit civil tonkinois)

« LA PROBITÉ RECONNUE EST LE
PLUS SÛR DE TOUS LES SERMENTS »
(Mme Necker)

En droit annamite le serment décisoire est un moyen mis à la disposition des parties soit pour compléter une preuve insuffisante, soit pour tenir lieu de preuve lorsque aucune autre n'est produite.

Il doit résulter de l'accord des parties et constitue entre elles une transaction, un véritable contrat judiciaire qui devient leur loi.

D'où il suit que le refus de la part de celui auquel il est déféré, d'accepter le serment ou de le référer à l'autre partie, ne constitue pas par lui-même et à lui seul une présomption de droit contre lui et n'entraîne pas pour lui, de plein droit, la perte du procès.

Par contre lorsque l'accord sur le serment est définitif, le refus de prêter serment équivaut à un préjugé contre la partie qui avait accepté de le prêter ; son adversaire est réputé avoir raison sur le point en litige.

Le serment décisoire peut être déféré sur quelque contestation que ce soit ; toutefois il ne peut être admis lorsque le droit contesté ne peut être l'objet d'une renonciation, par exemple lorsqu'il tend à faire changer l'ordre de dévolution du *hương hỏa* et à faire écarter l'ainé mâle de droite lignée auquel revient de droit l'administration de ce bien.

Présentant un caractère religieux, il doit être prêté suivant les rites et usages locaux, dans la forme et la solennité prescrites par la religion de la personne à laquelle il a été déféré.

Si celle-ci appartient au culte bouddhique le juge désigne d'accord parties, dans la décision interlocutoire rendue à cet effet, la pagode dans laquelle cette formalité devra être accomplie suivant les formes rituelles.

ĐI THỀ (tiếp theo) (Hộ luật Bắc-kỳ)

« THỰC THÀ RÀNH RÀNH CHẮC
HƠN HẾT MỌI LỜI THỀ »
(Mme Necker)

Theo lệ Việt-Nam thì lời thề kết liễu là một cách của bên nguyên bên bị dùng cho thêm hẳn sắc một cái bằng cứ không đủ, hoặc việc vô bằng thì lấy thế làm bằng.

Đi thề thì tất cả hai bên cùng thỏa thuận, để điều đình cho xong việc, tức là một tờ hợp đồng theo luật phép mà tuân cứ.

Vì vậy cho nên một bên bị bên kia thách đi thề mà không nhận thề hoặc không bắt bên ấy cũng thề lại, thì không chỉ cứ thế mà đến đuối lý và bị bắt buộc đến thua kiện được.

Tuy vậy nhưng mà nếu việc đi thề đã thỏa định rồi, mà bên nào đã nhận nhờ đi thề lại không chịu thề thì thành ra đuối lý ; bên kia thành ra thắng lý trong việc kiện ấy !

Lời thề kết-liệu ấy thì việc tranh chiếm nào cũng thông dụng được ; duy như việc tranh chiếm ấy mà có can đến mất chính quyền, ví dụ như trong việc *hương hỏa* mà có thay đổi ngôi thứ như là truất bỏ người con giai đứng trưởng chính phải nguyên có quyền thừa tự cái của ấy, thì không dụng được.

Theo về tôn giáo, thì lễ đi thề phải làm theo như tục lệ bản xứ và lễ nghi phải theo về đạo bên người chịu thề.

Nếu người đi thề về phật giáo (đi thích) thì trong cái nghị định cho đi thề ấy, quan tòa sau khi nghe lưỡng tạo thỏa thuận rồi, sẽ chỉ rõ cho là phải làm lễ phát thệ ở tại đền chùa nào.

Viên chức dịch mà tòa cử ra chứng thực việc thề ấy, tuân theo ngày giờ đã định trong bản dự án truyền phiếu cho lưỡng tạo tuân cứ mà đến nơi

Les intéressés dûment convoqués par le fonctionnaire délégué à cet effet se présentent au jour et à l'heure indiqués dans le jugement, au lieu convenu. Celui qui doit prêter le serment égorge un coq et, sur le sang répandu de l'animal, prononce la formule sacramentelle : « Que je meure comme ce poulet si ce que je viens de jurer n'est pas vrai. »

Un autre rite efficient consiste à briser une sapèque ou encore à tracer par terre un cercle et à le couper par deux traits perpendiculaires avec un couperet ; ce sont là aussi des gestes symboliques.

L'accomplissement de ces formalités doit être ensuite consigné dans un procès-verbal détaillé, dressé par le fonctionnaire cantonal ou communal, signé par lui, par les parties et par le desservant de la pagode qui a seul qualité pour constater l'accomplissement des rites dans une cérémonie d'un caractère essentiellement religieux. C'est sur le vu de ce document que le juge est appelé à se prononcer, car il n'est pas en effet présent à la pagode ; sa présence y serait inutile et même contraire à sa dignité.

Il a été jugé qu'est valable le serment prêté le soir alors même que le jugement l'avait fixé au matin.

Le serment ne peut être prêté par mandataire, mais il peut être prêté en l'absence même de la partie adverse pourvu que celle-ci ait été dûment convoquée à y assister.

La formule du serment bouddhique n'est pas fixe ; ce qui importe c'est qu'elle contienne une imprécation personnelle en cas de mensonge ; on s'exprime ordinairement de l'une des manières suivantes :

« Je demande au Génie X... la permission de témoigner. Si j'ai jamais emprunté de l'argent au nommé Y, de banneur, que le Ciel me punisse et que la Terre m'anéantisse (ou : que la génération de mon père et trois générations de ses descendants disparaissent) ».

— « Je demande au Génie X... la permission de prêter serment devant lui. Si j'ai jamais emprunté de l'argent au nommé Y, demandeur, je demande à mourir ainsi... »

Le sermenté brise alors une sapèque ou égorge un coq.

En ce qui concerne les indigènes catholiques ou protestants, comme le serment ne peut être prêté ni dans les églises, ni dans les temples chrétiens, il aura lieu à l'audience même du tribunal ; la formule à prononcer à la barre la main droite levée, pourra être par exemple : « *Je jure devant Dieu et devant les hommes* que je n'ai jamais emprunté de l'argent au nommé X. »

thế-sở. Người chịu thề cắt tiết một con gà sống, khi tiết nó chảy ra thì người ấy khấn rằng : « Nếu tôi thề man thì tôi xin chết như con gà này. » Còn lối bẻ gãy đồng tiền và vẽ vòng rồi chém ngang chém dọc trên vòng ấy, thế cũng là lối thề độc cả.

Thề đầu đầy xong rồi thì tổng lý cắt đi đầy phải lập biên-bản kê rõ đầu đuôi ký áp vào cùng với lưỡng tạo và cả người thủ tự nữa vì theo về tôn giáo thì chỉ có người ấy mới đủ giới pháp mà làm chứng thực một việc lễ được. Quan tòa thì lấy cái biên bản ấy làm bằng mà xét, vì quan có ra đến đền đầu ; mà có ra cũng vô ích, và chẳng lại thất thề.

Việc đi thề, giấu trong án định giờ cho buổi sáng mà mãi đến chiều mới thề cũng được.

Đi thề thì không có thể ai đi thề thay được, nhưng chỉ có một bên đi thề đến thề thôi còn bên kia có giấy đòi hợp lệ cũng không đến thì cũng cứ việc thề được.

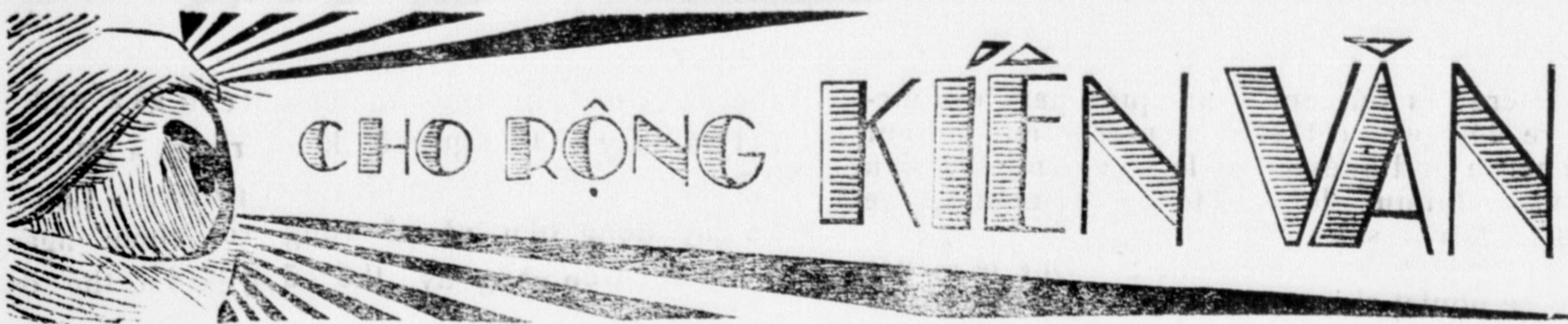
Đi bên thích thề thì không có kiểu gì nhất định ; duy thề tất phải có câu nguyên riêng hễ nói man thì xin chịu ; thường thường người ta hay nguyện như sau này : « Tôi xin (duệ hiệu vị thần phật) chứng minh cho rằng, tôi mà vay tiền của tên Y thì thiên chu địa giết (hay là : chết một đời cha ba đời con) »

« Tôi xin thề ở trước (duệ hiệu vị thần phật) rằng tôi có vay tiền của tên Y thì tôi xin chết như thế này... »

Thế là vừa thề vừa cắt tiết con gà, hoặc bẻ tiền hay vẽ vòng.

Con như những người Việt-Nam đi bên giáo hoặc đạo tin-lành, thì thề ngay tại dĩa phiên tòa, vì không có phép thề ở các nhà giáo và nhà thờ được ; đại loại thề như vậy : « Tôi xin thề trước đức Chúa-Lời và mọi người rằng tôi không hề vay tiền của tên X bao giờ. »

A.E. HUCKEL



TỤC VÊ MÌNH VÀ SÉN TÓC Ở XỨ AI-CẬP (Egypte)

Ai đã đọc qua sử ký các nước về Đông-Phương (Orient) đều biết xứ Ai-cập (Egypte) ở phía bắc Châu Phi là một nước văn minh trước nhất. Chải mấy nghìn năm, những phong tục và chính thể vẫn còn ghi chép đến ngày nay, các nhà khảo cổ vẫn còn gia công nghiên cứu những công việc tạo tác của vua chúa xứ ấy.

Phong tục mà chúng tôi lược kể ra sau đây đã có từ đời thượng cổ mà bây giờ dân xứ ấy vẫn còn đang theo.

Ở Ai-cập, khi trẻ con mới lọt lòng mẹ ra thì lập tức người nhà đem vẽ chấm (Tatouage) để đánh dấu. Nếu cha mẹ đứa nhỏ theo đạo Thiên-Chúa thì vẽ một cái dấu thập (croix) nếu theo Hồi giáo thì vẽ một cái chấm ở cổ tay. Tục đánh dấu này cốt cho khỏi lẫn vì cứ sau khi sinh ra đến ngày chủ nhật lễ Thương khó (Dimanche de la Passion) thì cha mẹ đem con vào nhà thờ làm lễ rửa tội (tiếng Ai-cập gọi là haïd et tanaseur). Lúc làm lễ các giáo sĩ truyền đề các trẻ nằm cả vào trong những bể nước phép (baptistères) rồi đọc kinh làm phép.

Khi lễ xong người nhà đứa bé vào đem ra lau khô và mặc áo, cha mẹ nhờ cái dấu đánh ở tay mà nhận con nới khỏi sự nhầm lẫn.

Lên ba tuổi mới bắt đầu sén tóc máu và đặt tên (tên lúc mới đẻ là đặt tạm) vì kể từ năm lên ba giờ đi đứa bé mới gọi là bước chân vào cõi đời vậy.

Tục sén tóc máu (tiếng Ai-cập gọi là ziana) là một lễ rất can hệ vì cha mẹ đứa bé phải mời hết cả bà con anh em đến giữ lễ ấy.

Thời thường trong khi có mang, người mẹ hay cầu khẩn các thánh phù hộ cho sau này mẹ tròn con vuông nên lễ sén tóc đều đem đến nhà thờ

hay là lăng các thánh về Hồi giáo (Mosquée) mà cử hành.

Làm lễ này ngoài tục mời các bà con họ hàng lại còn mời cả phường nhạc đến, và có khi cha mẹ đứa bé là người giàu có gọi cả con hát để múa hát cho được vui thêm.

Khi các việc sắp đặt đã xong, cha mẹ đưa con cùng họ hàng (đứng trước có phường nhạc đi hướng 'áo) đến nhà thờ. Người bố cùng khách đàn ông thì đưa đứa bé vào gần chỗ chính tâm ở gian giữa, còn người mẹ và các người đàn bà khác thì vào một gian bên có cửa sổ nhìn được ra gian giữa (tục Ai-cập đàn ông đàn bà có biệt).

Một người coi nhà thờ bưng ra một cái chậu con đến trước mặt đứa trẻ. Ông thầy cả và những quan khách hô lên rằng : « Ai có lòng thành kính ngày nay cho một thì ngày mai lãi mười. » Những người dự lễ hiểu ý, đều bỏ ra kể nhiều người ít đem bỏ vào trong chậu, đây tức là một cách khuyên giáo vậy. Sau cuộc khuyên giáo, đến lượt người thợ sén tóc (tiếng Ai-cập gọi là mizain) người này không cạo cả đầu đứa trẻ chỉ cạo một ít tóc đằng trước, còn đằng sau để nguyên cho giải như đuôi sam, món tóc ấy gọi là choucha, ở các tượng những vua Ai-cập người ta vẫn còn thấy đề tóc như thế).

Bác thợ cạo ngày ấy làm việc khác hẳn ngày thường vì hôm ấy không có bác thì không thành lễ cho nên anh ta cứ chùng trình, người nhà đứa bé phải nài ép mãi anh ta mới chịu cầm giao đề cạo. Mà anh ta đã cạo cho đâu, lại còn chia chỗ đầu phải cạo ra làm từng khoảng vuông một, rồi lên giọng khề khà mà giao rằng : « Nào mời các ngài mua khoảng đất này đi, khoảng đất này tốt

không kém gì những cái cù lao ở sông Ni la (Nil)(1) Người đứng chung quanh chanh nhau mua, trước hạ sau cao, khi giá đã cao, anh thợ mới cầm giao cao cái mảng tóc ấy rồi lại bán giao mảng khác. Trong khi cạo đầu có phường nhạc hòa nhạc và những người hát kinh hát rất vui vẻ.

Người thợ cạo ngày ấy tuy là can hệ nhất đám nhưng tiền thu được không được lấy cả, vì một phần đã về giáo đường, còn một phần nữa anh ta lại phải đem chia với các ông hát kinh:

Người Ai cập lại còn có tục kính trọng tóc, mà nhất là tóc máu. Bởi vậy những tóc đứa nhỏ cạo ra thì người mẹ thu lấy đem về kết thành hai cái vòng buộc vào cổ chân trái cho con trong bảy hôm, đến ngày thứ bảy, buổi chiều khi mặt trời sắp lặn

thì tháo ra rồi ra bờ sông Ni La ném xuống giòng nước mà khẩn rằng : « Hỡi sông Ni La, hãy nhận lấy tóc máu của con ta và phù hộ cho con ta được mạnh khỏe ».

Ngoài tục sén tóc máu, người Ai-cập lại còn có tục sén tóc lúc đứa trẻ lên chín chịu lễ cắt bì (circumcision) và năm 14, 15 tuổi khi sắp lấy vợ. Hai kỳ này đại để cũng như trên đây.

Sét ra tục sén tóc của người Ai Cập cũng giống như lễ gia quan (đội mũ) và cập kê (cài chân) của người Trung-hoa về đời cổ. Như thế có lẽ trong thời kỳ Ai Cập văn minh ở Đông Phương, thì Trung-Hoa ở Á-Châu cũng là một nước có văn hóa rồi.

TIÊN-ĐÀM

(1) Le Nil (sông Ni La) là một con sông nhơn ở châu Phi phát nguyên từ hồ Victoria Nyanza, rồi qua xứ Ai-Cập (Egypte) mà chảy ra bể Trung-hải Nhờ có con sông ấy mà xứ Ai-Cập là một xứ cây cối thịnh vượng, cho nên ngày xưa thổ dân vẫn tôn trọng con sông ấy như một vị phúc thần.

Việc học Pháp-văn ở bên Hoa-kỳ

Tại Hoa-Kỳ người ta chuộng Pháp-văn lắm cho đến nỗi các thứ tiếng khác như là tiếng Phổ tiếng Y-pha-Nho bị lấp liếm đi.

Theo như số tổng kê mới đây thì đến 450.000 người học Pháp-văn; 305.000 người học văn Y-pha-Nho; mà chỉ có 35.000 người học Phổ-văn.

Sở dĩ mà văn Y-pha-Nho cũng có nhiều người học thế là vì Y-pha-Nho ở về giáp Mỹ-tây-cơ và các xứ thuộc về Nam-Mỹ mà ở đây thì nói thuần tiếng ấy cả.

Ừ như thế đã đành, chứ còn như Pháp-văn, chả phải là vì thiên-hạ chuộng mà học thì còn là gì nữa?

Khắp các đại học đường ở Hoa-kỳ là học Pháp-văn và Anh-văn ngang nhau. Khắp các thành-phố

đều cho chi nhánh hội khuyến-học Pháp (Alliance française) mà phần nhiều hội-viên là người Hoa-kỳ cả. Vì vậy cho nên nhiều khi người Pháp đứng diễn thuyết ở bên ấy mà hàng bốn năm ngàn người Hoa-kỳ nghe đều hiểu được rõ ràng và thấu được những tinh vi trong Pháp-văn nữa.

Mới đây một người Hoa-kỳ nói truyện với một viên chức trong bộ Sự thần Pháp ở đây rằng : « Các con em chúng tôi học được tiếng quý quốc mới tài chứ, vì Pháp-văn thì rất khó mà quốc-văn chúng tôi lại giản dị nhất trong hoàn cầu. »

Từ xưa đến nay chưa bao giờ Pháp-văn lại thịnh ở Hoa kỳ bằng ngày nay.

Trích ở một báo tây

VĂN THƠ

Mông chín tháng chín chơi núi Giục-Thủy (lấy chữ CAO làm văn)

Bề giầu thay đổi biết đã bao,
Thành đã quang rồi núi vẫn cao,
Giời giúp mẹ con mưa thuận rhi,
Đất giêng non nước thú vui sao.
Đa in về ngư' mây vờ vẩn,
Cúc điếm màu thu gió ngọt ngào,
Vắng mặt cụ Trương ai chủ đó,
Phúc tray châu lại được chừng nào.

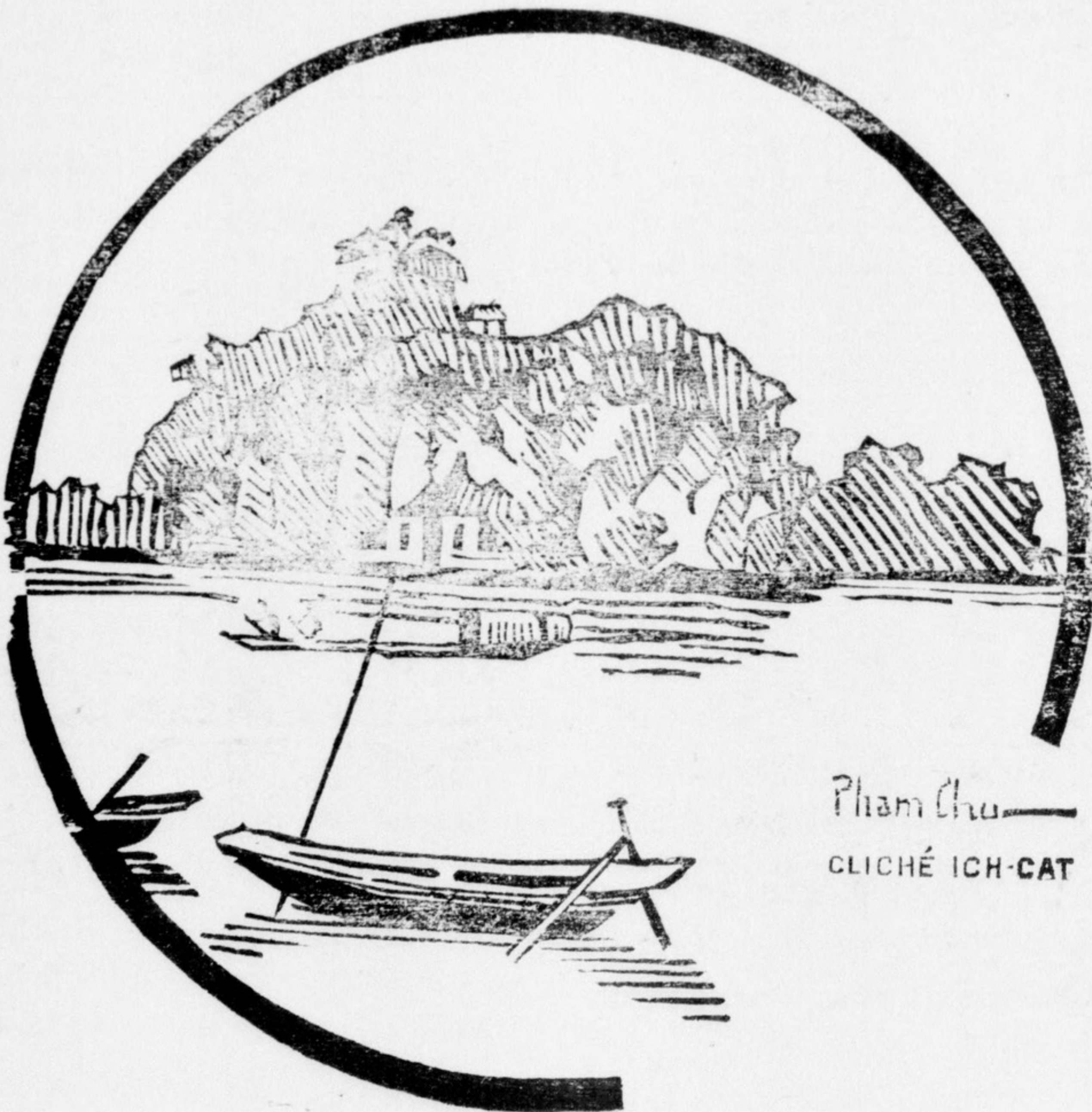
Từ Mỹ-Nam Phạm Tường-công đi thơ

Giục - Thủy qua xem cảnh thế nào,
Vui clân quên cả mây tầng cao,
Trên thành mưa nở hoa chùng chập,
Trước gió men sông cúc ngạt ngào,
Cầu mới khôn ngăn con nước chảy,
Chùa xưa để mặc chị giăng vào,
Hải còn cây cỏ, còn non nước,
Thu cứ năm rằm lại ước ao.

Lê-phượng-Tường

Giục-Thủy lâu nay cảnh
[thế nào ?
Tiết vừa đôi chín tới
[xem sao,
Cột sương hơi cúc, thu
[già giặn,
Rén bước đầu non, đá
[thấp cao.
Cửa động nước mây
[vờn bức vẽ,
Trước bia cây cỏ đóng
[hàng chào,
Núi kia rù muốn nhàn
[sao được,
Đón rước làng thơ bạn
[biết bao.

Hoàng cảnh-Tuân



Phạm Chu—
CLICHÉ ICH-CAT

Ngày chín chèo non dề
[mấy tao,
Người quen thú cũ cảnh
[sinh xao,
Yêu hoa ai đã vun rùng
[cúc,
Mến khách ta vui góc
[ciền đào.
Nước uốn làn mây ba
[góc phẳng,
Sương rêu thành hộ
[mây tầng cao,
Chày đầu nện đỏ bên
[tai vắng,
Ngâm nghĩ người xa
[ái ngại nao.

Lê-chiều-Lân

Này lối chèo xưa cổ vẫn rạo,
Lại bảy giờ biết núi rằng cao,
Gót hài khách đã mây theo lối,
Giải mũ ông kia gió thổi phào.
Chén rượn còn đương chờ chị mỗ,
Câu thơ chưa dễ học ông Đào,
Miệng cười được mấy ngày thông thả,
Non nước chỉ bằng mát mẻ nao.

Nguyễn-nam-Phong

Qua ngã ba sông nhủ cấm sào,
Non sông len lối bụi hồng cao,
Mầu thu tô điểm mây nhiều ít,
Đường n' ư' quanh co đá thấp cao.
Quyển khách vẫn chờ hoa cúc nở,
Trừ ma đầu đợi thuốc tiên trao,
Ngồi xưa chẳng thiếu thơ để cảnh,
Thiếu cảnh ngày nay vị có sao.

Hoàng-mậu-Lâm



CHANSON

J'ai dit à mon cœur, à mon faible cœur :
N'est-ce point assez d'aimer sa maîtresse ?
Et ne vois-tu pas que changer sans cesse,
C'est perdre en désirs le temps du bonheur ?

Il m'a répondu : Ce n'est point assez,
Ce n'est point assez d'aimer sa maîtresse ;
Et ne vois-tu pas que changer sans cesse
Nous rend doux et chers les plaisirs passés !

J'ai dit à mon cœur, à mon faible cœur :
N'est-ce point assez de tant de tristesse ?
Et ne vois-tu pas que changer sans cesse,
C'est à chaque pas trouver la douleur ?

Il m'a répondu : Ce n'est point assez,
Ce n'est point assez de tant de tristesse ;
Et ne vois-tu pas que changer sans cesse
Nous rend doux et chers les chagrins passés ?

(Pr.P.)

Le papillon

Naître avec le printemps, mourir avec les roses
Sur l'aile du zéphir nager dans un ciel pur
Balancer sur le sein des fleurs à peine closes
S'enivrer de parfums, de lumière et d'azur ;

Secouant, jeune encor, la poudre de ses ailes,
S'envoler comme un souffle aux voûtes éternelles
Voilà du papillon, le destin enchanté
Il ressemble au désir, qui jamais ne se pose

Et sans satisfaire, effleurant toute chose
Retourne enfin au ciel chercher la volupté

LAMARTINE

HỎI LÒNG

Có lúc bàng khuâng lại hỏi lòng :
« Sao không dữ một mối tình trung ?
« Lòng yêu sao cứ lãng bãng mãi,
« Cái tuổi xuân tình phí mất không.

— Lòng rằng : « chưa đủ tấm tình trung,
Một tấm tình trung chưa thỏa lòng,
Lòng dầu lãng bãng thay đổi nãi,
Tình càng thay đổi lại càng nồng.

Có lúc bàng khuâng lại hỏi lòng,
Sao không dữ một mối sầu trung,
Can chi tìm mãi nguồn sầu khác,
Một bước chân tìm, một chân không ?

Lòng rằng : « chưa đủ mối sầu chung,
Một mối sầu chung chưa thỏa lòng,
Thay đổi nguồn sầu, người chẳng thấy ;
Sầu càng thay đổi, lại càng nồng.

★ ★

Bướm

Xuân sang bướm cũng nhớn nơ,
Hoà tàn bướm cũng theo hoa còn gì.
Gió xuân đưa bướm đi về,
Dỡn chơi hoa nở say mê hương giờ.

Ngày xuân mây biếc thanh thời,
Cho con bướm lượn tới bởi say xưa.
Chân rồi dĩ phần chào hoa,
Lâng lâng theo ngọn gió đưa lên giờ.

« Ước ao » là cái lòng người,
Khác chi con bướm đậu rồi lại bay.

Chân rồi mơ mộng đó đây,
Lâng lâng theo ngọn gió bay lên giờ.

L.N.B.

NHỮNG ĐIỀU ÍCH CHO TA HANG NGÀY

NUÔI ONG

Nhiều nhà thông dụng mật ong lắm nhưng thường thì mua ở mạn ngược về. Có ai quen biết trên ấy mới nhờ mua được một hai chai đã lấy làm quý hóa lắm. Tuy vậy mà trong bụng vẫn nghi nghi hoặc hoặc, chưa chắc đã là thật.

Nuôi ong cũng dễ, nhưng tiếc thay ở nước ta không mấy người nghĩ đến. Ở các nước nghề nuôi ong nhiều chỗ phát đạt lắm. Thôi ta thử tìm ngay một vườn ong xoàng ở bên Pháp nghĩa là độ hai ba trăm bọ ong, mà mỗi bọ ong nuôi theo cách tân thời thì lấy được bốn mươi cân tây mật, mỗi cân bán được 14 hay 18 quan nổi quan bây giờ là một hào ta thì được bao nhiêu. Người làm thì rất ít: chỉ hai ba người thạo việc là đủ. Ngoài ra còn sập, còn ong bán nữa không kể.

Còn như muốn có mật thật mà dùng thì nuôi ngay một thùng ong là thừa đủ mà lại còn có thể làm quà cho bà con quen thuộc nữa. Nhiều người tưởng có vườn rộng mới nuôi được ong thì nhầm lắm vì ong có phải kiếm mật ngay trong vườn đâu, nếu chỉ đi quanh quẩn một số thì làm gì được nhiều mật. Phải biết ong thường bay xa mà tìm hoa có khi trong một đường kính đến sáu bảy cây số kia, cho nên ta thường thấy ở trên trần nhiều nhà ở thành phố có ong ở mà mật vẫn khá nhiều.

Muốn nuôi ong trước hết phải biết tính tình và các cách ăn ở của chúng thế nào:

Ong thuộc về loài sáu bộ bốn cánh, ngoài cái mình nghĩa là đầu, ngực và bụng thì có thêm bốn cánh, sáu chân và một cái vòi dùng lấy mật.

Bụng ong có sáu đốt; trong các bộ phận để hô hấp chảy chất sấp. Về cuối bụng có một cái ngòi có nọc. Nhưng ong đã đốt thì tất phải chết, vì đầu ngòi có lông nên không rút được ngòi ra chỗ cống ngòi liền với mình ong sẽ bị đứt mà thành ra một vết thương to.

Cánh và chân thì đều mọc ở ngực ra. Chân nào

chân nấy đều có lông cứng trơ trơ ra như một chiếc bàn chải vậy thành ra lúc lấy nhị vun rất tiện. Hai chân sau lại có nhiều lỗ để đựng nhị. Đầu ong chỉ hơi khác nhau thôi: đầu con chúa hình như quả tim (cœur, tức là hình lá đề), đầu ong quân tam giác mà hơi tròn về các góc, đầu ong đực nhìn đằng trước thì tròn.

Mắt, râu và miệng ở cả trên đầu.

Nói về mắt ong thì lại rất thần tình. Xưa nay ta thấy hai cái mắt to tướng của loài ong mà coi cũng như mắt các động vật khác thì nhầm. Thật đấy tạo hóa hình như chều giống nay mà phủ hai thứ mắt (1): một thứ mắt thường và một thứ mắt kết (yeux composés). Mang mắt ong ra mà tế nhận tất thấy bao nhiêu mắt nhỏ li ti chỉ chít liền nhau phải xem bằng kính hiển vi mới rõ. Mỗi mắt có sáu mặt. Đã nhiều mặt thế, mà mỗi mắt lại hướng về một phía thì tầm con mắt của loài này không phải là nhỏ vậy. Ta cứ nói ngay số mắt thì đủ biết ngay sức mắt rộng hẹp thế nào, như ong mật và ong chúa có tới 5.000 cái mắt, ong mật có tới 13.000 cái. (Đức Quan-âm chuyển này tất phải kém hàng mấy nghìn). Nhờ được mắt này trông xa lắm cho nên ong tha hồ mà bay lượn không nhầm đường chút nào.

Còn như mắt thường (ocelles) thì lại chỉ nhìn gần được thôi vì chỉ thu được một tia sáng rất nhỏ, cho nên trong tối nhìn được tình tượng các chỗ ở ngay bên cạnh.

Đến râu (autesmes) thì người cho là thính quan và khứu quan hay xúc quan, viện lẽ rằng: ong nhờ những cái ấy mới biết được những con cùng tổ vì mỗi tổ có một thứ hơi riêng, hoặc có nhị thơm mật ngọt cũng ngửi thấy từ đằng xa vì loài ong xem ra không thấy mũi. Lại có kẻ cho rằng ong có râu cũng như ta có tay vậy, ong dùng râu ấy để biết

(1) Kể ra cũng còn nhiều thứ côn trùng có mắt kết,

hình thức mọi vật cùng để đo kích thước các lỗ tổ ong. Xem ra thì nhời nào cũng có lý cả.

Miệng ong có hai răng (mandibules) bằng chất cứng phía trên có cái môi (labre) che. Răng dùng để nghiền nhĩ và luyện sáp. Phía dưới thì có cằm, có vòi, có hàm (maxillaire) và có tua giác quan (palpes).

Vòi phía trên rạch ra hình cái máng; đằng trước chia ra như cái thìa dùng để khi nước ít thì liếm nước từ từ theo lòng rạch mà lên. Khi nào nước ngọt nhiều mà ong hút thì cái môi ép hai thành máng lại với nhau thành ra cái vòi lúc bấy giờ ở dĩa rộng như một cái ống vậy. Hai cái hàm lúc bấy giờ lúc ép vòi lại lúc thả vòi ra mà bơm nước lên đằng sau miệng.

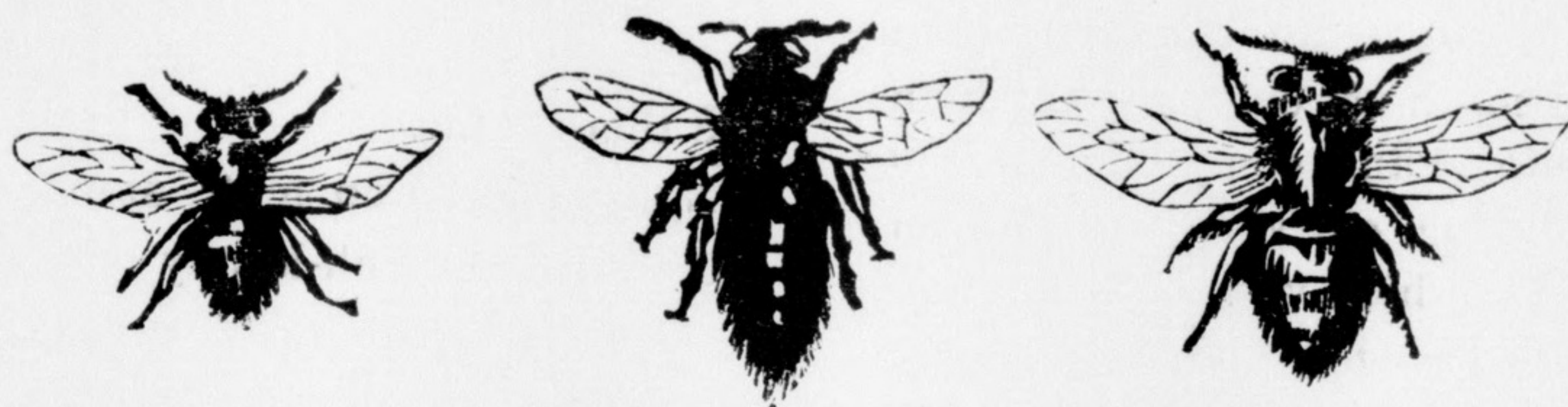
Ta xem thế thì biết các bộ phận của ong nhiều cái có ích cho sự sinh mật ra sáp. Cho nên loài nào chân to và mạnh sinh được nhiều sáp, cánh giải thì bay xa để kiếm mật nhưng chỉ có cái vòi là bộ phận cốt nhất. Vòi càng giải được bao nhiêu càng hút mật xa được bấy nhiêu cho nên nếu có hoa

sâu quá tầm vòi thì đành chịu. Cũng vì thế cho nên một giao ở Âu-châu người ta đã định lựa chọn để gây nên một giống ong vòi rõ giải nhưng cứ như người ta đã tính thì phải mất hàng mấy trăm năm lâu quá nên rồi cũng thôi, xong người ta lại định gây ra những giống hoa nông lòng ở miền lấy mật vì làm thế cũng chả thấy lợi thêm mấy nên cũng bỏ.

Ấy đây công việc chăn nuôi của người ta dùng công như thế. Trong công cuộc làm việc thì tất có bại rồi mới có thắng cho nên họ thua keo này bày keo khác. Thành ra bao giờ cũng đạt tới mục đích. Bây giờ các nhà nuôi ong bên Tây đồng lòng cùng nuôi nòi ong có vòi giải hơn các giống khác ít nhiều.

Tuy vòi hầy còn có thể cho là ngắn được nhưng cách nuôi ong của người ta mỗi ngày một sửa sang thành sự tấn bộ này bù vào các thiếu kia dằng nào cũ g vậy công việc nuôi ong của họ bây giờ thật là hoàn hảo.

(Còn nữa)



Phòng bị chó dại

Lời giãn cần kíp — Bệnh dại là bệnh chết vì bị chó dại cắn truyền sang (Mèo, khỉ cũng hóa dại nhưng mà ít).

Chó nào cũng phải đề phòng. ngay chó nhà mình nuôi cũng dưng có chắt. Có khi nó mừng nó liếm tay mình mà cũng truyền bệnh dại sang được.

Đừng có vuốt ve chó, nhất là ở ngoài đường. Đừng để cho trẻ đùa với chó hay là gần chó.

Chó có nên nuôi chó thừa vô ích: chỉ có chó dữ nhà là cần thì nên xích nó lại.

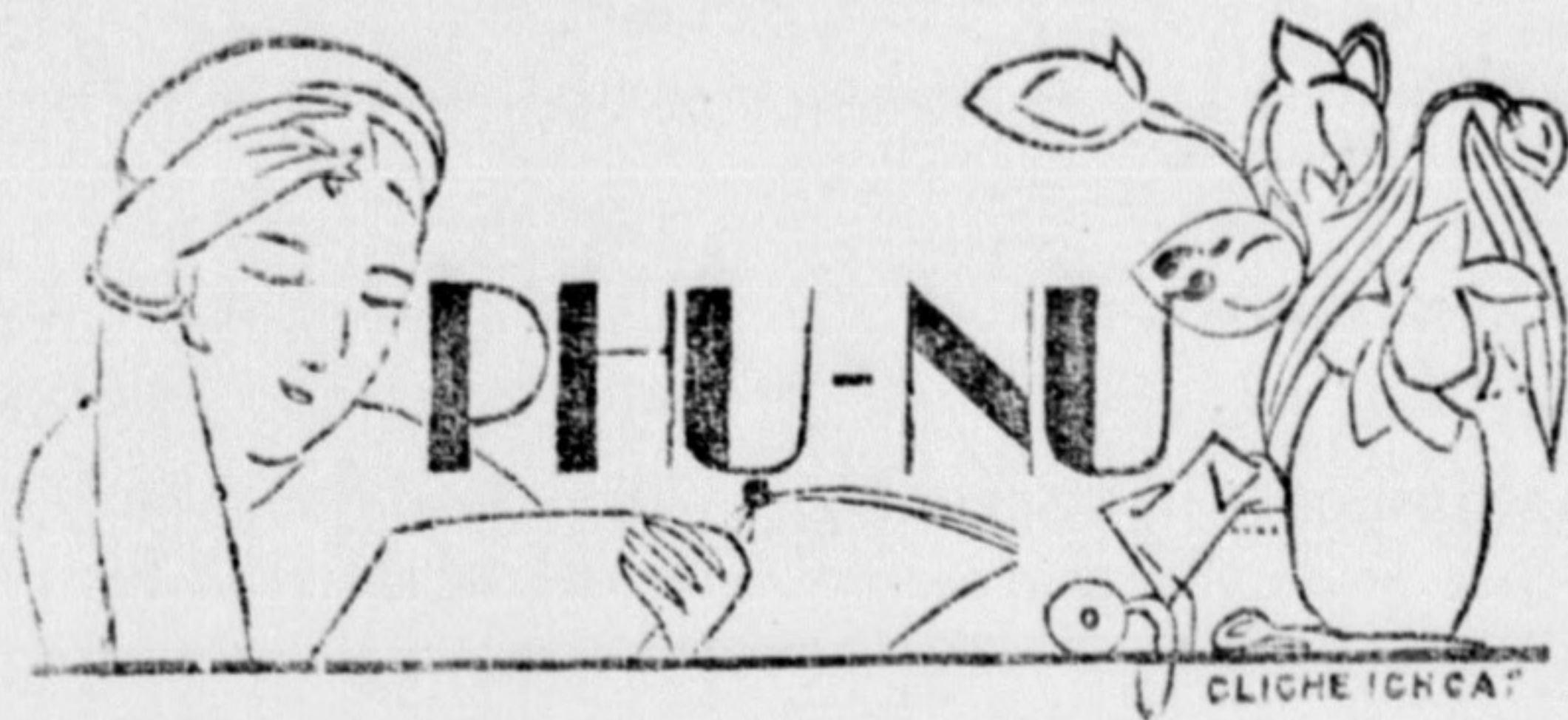
Nếu đề phòng mà cũng bị chó cắn, thì đừng vội đánh chết nó, phải đem đến sở Thú-y để thí nghiệm; phải nhốt kỹ nó lại hay là chó buộc cần thận mà

mang đến sở thí nghiệm mà hỏi xem hoặc hỏi thầy thuốc chỉ bảo.

Nhưng nếu đã đánh chết con chó cắn ấy rồi thì nói với viên Thú-y hoặc thầy thuốc mổ nó ra và lấy một ít óc hoặc rã bỏ trong lọ glycérine nút kỹ giữ về sở thí nghiệm « Institut Pasteur » ở Hanoi, xem cho.

Đừng có đợi xem thí nghiệm có thực không rồi mới chữa thuốc. Nếu bị cắn thì phải lại ngay nhà thuốc « Institut Pasteur ». Phàm chữa bệnh chó dại cắn phải chữa ngay cho kịp mới chắc khỏi được.

Trích báo Đông-Pháp y-viện nội-ngoại-khoa



ĐỊA VỊ NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG GIA-ĐÌNH (BÔNG HOA TRONG SA-MAC)

Lập gia-đình và phá gia-đình cũng là tay người đàn bà cả

Trong khi người đàn ông ra lính giữ biên thùy cho khỏi ngoài sâm thì người đàn-bà có khác gì ông tướng bên trong giữ cho khỏi nội loạn. Giặc ngoài không tràn vào, giặc trong không dậy lên, ấy là nước được thái bình mà dân cũng vì thế được an cư lạc nghiệp, tránh khỏi nạn binh đao. Trong một gia-đình cũng vậy, nếu hai vợ chồng cùng biết bổn phận, chồng gương vợ theo, thì có đâu những chuyện bất bình, rồi đến phải mượn con dao pháp luật mà cắt cái giây tình nghĩa trăm năm.

Có người quá nghiêm, trông đời bằng con mắt bi quan thường trách trăm nghìn cái điều đúng ngày nay là tại cái văn minh vật chất, rồi kết luận rằng nếu gia-đình bây giờ chẳng còn thấy những hạnh phúc như xưa, cũng chỉ vì người đàn bà muốn bỏ cái thiên chức mẹ hiền, vợ thảo, mà muốn nhận lấy những phận sự của người đàn ông ở ngoài xã-hội. Người đàn bà « mới » bây giờ muốn trong giây lát phá cái cùm áp chế khi xưa mà cùng người đàn ông giảo bước trên con đường bình đẳng. Tôi chẳng phải người thủ cựu chỉ coi người đàn-bà như cái máy để, như tên nô lệ, nhưng thấy phụ nữ ngày nay làm nhiều việc quá đáng — tôi nói đây những việc dở — nên muốn mang cái sức bèo bọt ra ngăn làn sóng tự do thái quá lại, mà nhắc cho bạn gái nhớ cái địa-vị mình trong gia-đình, họa chăng có duy trì được ít nhiều hạnh phúc cho nước nhà trong buổi thay đổi lớn này chăng. Cách đây chẳng ba mươi, một bọn thiếu-niên xuống lên cái món thể thao đi bộ. Nếu nhời tôi nói mà không nhầm thì bọn này đi bộ chẳng phải vì thể-thao, mà chỉ vì cái tên « soàng » của mình mong cho người đời chú ý. Trông thấy thiếu-niên nước người đi bộ hàng nghìn dặm, nào trèo núi vượt sông, một bước là một bước trông hai, lại ngó đến những ông

hoàng đi bộ nước mình đi chưa được mười cây số đã một cái ô-tô theo sau đây những lương thực cùng đồ giải lao, tôi tưởng đi bộ như thế thì đến đi quanh thế giới cũng được. Khúc đàn đi bộ của bọn mây râu vừa gầy, trong quốc-dân những người biết chưa chịu họa, thì một bọn kia yếm đã vội mang gót sen ra thử với con đường nhựa chùa Châm ! Bảo rằng đi bộ để tập lấy mao hiểm (!), để chịu quen những sự khổ sở như giải gó dầm sương (!) chẳng qua chỉ là lời đầu lưỡi vậy. Tôi tiếc vì bài này nói về địa-vị người đàn-bà trong gia-đình không tiện bày tỏ những ý tưởng riêng đối với mấy cuộc đi bộ vừa rồi. Tuy vậy tôi sẽ có dịp bàn đến món thể thao đi bộ.

Người đàn-bà có một cái mãnh lực vô hình, nếu biết dùng cái mãnh-lực ấy mà dúp cho chồng mình đi vào đường chính lo gì gia-đình không được chứa chan hạnh phúc ; gia-đình là gốc xã-hội, hạnh phúc gia-đình chẳng phải là hạnh phúc xã-hội du ? Trên con đường đời, nhà văn sĩ Bossuet vì người đàn-bà như đóa hoa thơm mà thợ tạo đã giồng để an ủi những nỗi thương tâm của người đàn ông trong cuộc cạnh tranh vô tận. Trong gia-đình cũng vậy, mỗi khi người chồng ở ngoài về, cái khó nhọc tran hòa trên vẻ mặt trông thấy vợ tươi cười chiều chuộng, âu yếm ngọt ngào, tự thấy tấm lòng vui như có khúc đàn gảy ở trong tâm can phảng phất. Cuộc đời có khúc gì một nơi sa-mac mà gia-đình là chỗ cây cao bóng mát để người đời nghỉ chân, lấy sức mà giảo bước trên con đường nghĩa vụ. Người đàn-bà phải là người có giáo dục, có học-thức mới biết chiều chồng, biết chiều chồng ấy là gây nên nền hạnh phúc gia-đình vậy. Người đàn-bà đã gọi là khôn ngoan, khi lấy được người chồng giàu có, phải biết cách khuyên chồng dùng đồng



Con dao thần

Con dao này cũng không có gì khác những dao ta thường dùng. Nhưng có nếu ta để nó gần tay một người nào thì người ấy sẽ thấy đau ngay cũng như bị đâm vậy.

Giải nghĩa : Bây giờ em giờ con dao cho mọi người xem, ai cũng nhận là con dao thường cả. Dao ấy cũng không cần phải sắc, em cầm giờ lên, thôi vai cái bình như để phù phép và bảo rằng : Thôi bây giờ tôi đã cho nó một cái sức thiêng liêng có thể không đâm vào tận thịt mà cũng làm đau được. Các bạn đứng chung quanh đây có ai dám thử không? Chắc nhiều người muốn thử lắm.

Bây giờ em cầm tay một người theo như cái

hình này tay phải cầm dao hình như để đâm, tay trái thì cầm tay trái người ta nhưng trong ngón tay chỗ ở bàn tay trái ấy em đã cắm vào da một cái kim con. Khi em đưa con dao sát đến áo thì lấy ngón tay trái có kim sẽ thích vào áo người muốn thử. Như thế chắc họ sẽ nghĩ rằng cũng tưởng như bị con dao đâm vào thịt thực, nhất là nếu em vừa đâm mũi kim vào tay họ lại vừa lấy dao đục khế vào áo ngay một lúc.

tiền cho chính đáng. « Hạt vào đài cát » đã vậy, nhưng nếu « hạt ra ruộng ngoài » mà lấy phải người chồng nghèo thì mang cái đức chăm làm, cái nết cần - kiệm, cái tính ngăn nắp ra mà vun vén cho nhà chồng, như thế thì làm gì tự mình chẳng gây nên được gia đình hạnh phúc. Trong các người chồng lúc nào cũng lo đến công kia việc nọ, có khi mưu tính những sự tầy giờ mỗi khi về đến nhà trông thấy vợ con đề-huê thì tự thấy trong lòng khoan khoái vô cùng. Trái lại, người chồng khi về đến nhà trông thấy nhà lộn bộn, con hư vợ lơ đãng việc nhà, thì tất chán, tất buồn, chẳng nghĩ gì đến gia đình nữa mà lại đi tìm những sự vui thú ở xóm bình-khang, vòng đèn đỏ. Ấy đấy, một trăm cái gia đình tan nát cũng chỉ tại người đàn bà không biết gây hạnh

Thơ đố

LI

Khen ai cầu cạnh khỏe lo toan,
Không trước không hàm cũng tiếng quan ;
Vài chữ vênh vang lên nước mặt,
Thế mà quyền quý nhất trần gian.
(là cái gì ?)

LII

Nhắc trông chừng áo với giải râu,
Tưởng chủ sang đây tự nước Tàu ;
Xem lại da vàng chung giống cả,
Lạc-hồng đất nước khác gì đâu ?
(là cái gì ?)

Giải đáp thơ đố trong Tạp-chí số 28

Câu XXXVII là chữ *nghe* 堯

Câu XXXVIII là chữ *xuống* 娼

Trong Tạp-chí số 29

Câu XXXIX là chữ *quần* 羣

Câu XXXX là chữ *tượng* 像

Các vị đoán chúng :

M.M. Trường-Phát	Hanoi
Vũ-mạnh Sước, giáo-học	Kim-Động
Ng.-quang-Lộc, (An-Định)	Cầm-Giang
Đỗ-đắc-Học, (Đông-Kết)	Hưng-Yên
Vũ-văn-Ồi, Chánh-hội	Phú-Thọ
Ng.-hữu-Năng	Haiphong
Lê-văn-Luyên	Nam-dịnh
Ng.-Hoàng-Sơn, Tú-tài	Hanoi

phúc cho chồng vậy. Muốn biết gây hạnh phúc cho chồng thì người đàn-bà phải có học-thức. Người đàn-bà có giáo-dục học-thức, thì óc mới không mê-tin những điều dị-đoan rồi tránh được cái đồng bóng. Ngoài cái hại mê-tin, nếu người đàn bà biết đọc sách, đọc báo thì lại còn tránh được cái nạn cờ bạc nữa. Mục đích bài này tôi viết là mong bạn gái phải có một nền học vấn vững vàng rồi mang một chút kiến thức của mình ra mà thờ chồng nuôi con cho đáng cái thiên-chức mà Tạo-Hóa đã để riêng cho hạng người giàu mỹ-cảm. Nếu lời ông Nã-phá-Luân nói : « Một người vĩ-nhân là nhờ ở cái giáo dục của người mẹ cả » mà đúng thì người đàn bà lại thêm cái bổn phận là đào tạo ra anh hùng để làm vẻ vang nòi giống, tô điểm nòi sông !

BUI-HUY-THÊM

DU'OI MÓNG ÁC THÚ

(SOUS LES GRIFFES DU MONSTRE)

Phiên lưu và Trình - thám liêu thuyết

PHAN-BÁ-NHẠ dịch thuật

I VẾT LOÀI ÁC THÚ

— Xin kính chào phụ thân.

— Đêm qua, con ngủ yên chứ, Yên-Thị con ?

Người thiếu-nữ cười và giả nhời rằng : « Từ trước đến giờ đêm nào con cũng ngủ say sưa như đêm nào. Tối nào cũng ngủ như chết. Không biết đêm qua, thân phụ có được yên giấc điệp chăng ? »

Ông lão tựa vào ghế bành ra giáng nặng nhọc rồi nói rằng : Ngủ thì có, nhưng tâm thần ta không được lúc nào yên tĩnh cả. Hễ chớp mắt thì như mình cứ đi đến những nơi mông tưởng, mà cái đau đớn cứ lần quất bên mình mãi không thôi. Con ạ, người ta khi già về thật là khó chịu, nhiều khi ta mong ngủ yên một giấc trăm năm mà không được.

— Thưa cha, làm sao cha lại cứ nói gở những nhời như thế.

— Con ơi, con không biết được cái đau đớn của một người suốt đời chăm chỉ mà đến lúc tuổi tác bệnh nan, làm cho mình ra người vô dụng đành chịu ngồi bó gối mà hồi tưởng đến những sự dĩ vãng và nỗi ưu sầu tương lai ra sao.

— Thực thế, nghe nhời cha nói thì người ta tưởng cha đã lão mạo mà bị bệnh bán thân thì phải ; nhưng người nào đã được trông thấy cha cách ba hôm nay còn quần ngựa ở trong rừng thì ý tưởng lại khác hẳn.

Ông lão vừa cười vừa nói : Con nói thế khi quá, cứ cho lần cưỡi ngựa ấy chẳng qua là một sự nhàn du mã thượng, còn bây giờ ta đã phải ngồi một số trong buồng rồi.

— Cái đó là một sự chẳng may, nhưng một vài hôm nữa chắc phụ thân sẽ được bình phục như thường.

— Yên-Thị con ơi, con hết sức yên ủi ta chỉ mất thì giờ. Ta đã biết cái số phận ta phải chịu

và ta không có phép phàn nìn được. Lại hồi tưởng đến cái lúc ta đóng ở cửa rừng cấm, chung quanh rất những người tiều phu Ấn-độ, mà mình thì lắm lúc phải nằm trên đệm dóm, dùng da châu, làm chăn, lấy súng lục làm gối.

— Thưa cha, con không dám chê cái nghề của cha, nhưng thực là suốt đời vất vả, như cha đã làm việc với nhà nước trong năm mươi năm rồi sao cha không xin về hưu trí để về Ấn-châu yên nghỉ có hơn không ?

— Con ơi, nếu như thế thì thật như bắt cha phải chịu tội tử bình, tưởng tượng cái cảnh hai cha con ta ở một cái nhà ở thành Luân-đôn, ngồi sưởi cả ngày ở cạnh lò mà chỉ còn tập ảnh làm kỷ niệm khu rừng Ấn độ này thì cái cảm tưởng con ra sao ? Nếu như thế thì thà rằng ta chịu hồ cấn còn hơn !

— Thưa cha giây thế thật là quá nhời.

Ông lão đứng giậy mở cái cửa sổ ở ngoài hiên thật rộng rồi nói trịnh trọng rằng : « Yên-Thị con ơi ! con nhìn xem từ cửa nhà ta đây cho đến tận chỗ chân gò kia, đều là công cha khai khẩn cả. Đã năm mươi năm giờ nay, ta mất biết bao nhiêu công lao mới trừ được rừng cỏ bãi, nào phải cuốc lên, nào phải đốt cỏ đi để làm nên cái rừng này giúp được tài nguyên cho đế quốc rất nhiều. Cây cao su này, cây gỗ tẻch kia, đều là ta giống từ lúc hãy còn nhỏ, mà thường ngày ta phải săn sóc trông nom để cho cái rừng hoang kia không lín lất được. Thế ta có thể bỏ chốn này đi nơi khác được không ? Còn như con chính cha sinh ra con ở trong cái nhà này con đã tập đi trên những ngọn cỏ ở sân này, con cùng cái khu rừng này cùng nhón. Vậy con có thể bỏ cái rừng chôn đau cắt đớn mà đi khôn lấy làm nhớ tiếc chăng ? »

— Thưa, cha giậy rất phải. Còn như con mà đến mùa rét phải ở các tỉnh thành ở phương Bắc không có hi vọng giữ lại nơi thâm lâm này thì thật là khổ

tâm cho con quá. Nhưng nếu sự thay đổi cách sinh hoạt của con mà cần cho sức khỏe của phụ thân thì dầu thế nào con cũng vui lòng chịu được.

Ông cụ già giở vào ngồi xuống ghế, tay chống lên má, n gồi yên một lúc, mắt đưa nhìn những đầu đầu rồi lại ngoảnh trông vào con gái ra giăng áo yếm lấm rồi nói thông thả rằng: Yên Thi con, năm nay con bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?

— Thưa, đến tháng năm con lên mười chín tuổi.

— Thế mà ta cứ tưởng con đã hai mươi rồi đấy.

— Thưa thân phụ còn giầy gì nữa không ạ?

Ta muốn cho cái người thay ta ở đây không những là trông nom các công việc của ta đã làm, nhưng còn phải làm việc cao hơn nữa, nghĩa là phải trông nom con và sự tương lai của con sau này.

— Con không hiểu ý cha nói thế là làm sao?

— Ý cha muốn cho con yên bề gia thất.

— Sao cha lại nghĩ đến việc ấy làm chi vội?

— Nay cha đã già chỉ mong con chóng có lứa đôi để cha trông thấy cái tốt đẹp của đời con cha mới yên lòng. À này ta hỏi con câu này, con cứ giả nhời thực với ta như với mẹ con lúc còn sinh thời nhớ: ở gần đây, hay ở tỉnh con có thuận ai không?

— Thưa con chắc chả có ai, vì con không đề ý đến.

— Con có nhớ người kỹ-sư niên thiếu mà ta gặp mùa trước ở Thiên-La không?

— Có phải ông Kiên-Lê không?

— Phải rồi. Con xem ông ta thế nào, con có bằng lòng không?

— Cái ấy cha nên sét kỹ. Có nhẽ nào một lúc mà cha đã biết rằng ông ta chịu cùng con ở nơi thâm sơn cùng cốc này.

— Được, ta đã nói rằng ta đã tận tâm để mở mang cái rừng này, trước hết là ta phải lo lắng cái tương lai của con rồi mới đến cây cối. Thôi ta hãy sắp chuyện chàng Kiên Lê lại đã. Còn chàng Lê Vinh thì con tính sao?

— Tuổi chàng cao lắm rồi.

— Trung-Úy Hải-Lý thì sao?

— Chàng tuy còn niên thiếu.... À còn một người niên thiếu mà con quên mất tên mà quan tổng thanh tra Lâm Chính gửi cha ở đây, mà chàng vừa từ biệt được độ một tháng nay.

— A ra con muốn hỏi chuyện chàng Lã Hàm phải không? Anh này sẽ trở nên một người linh kiêu

làm rất giỏi. Tnuộc đường ở trong rừng như người thư ký thuộc cách sắp đặt ở trên bàn giấy vậy.

Cái tên Lã Hàm về sau sẽ được rục rở. Cứ ý ta sét tên hẳn có thể sánh vai với các người thám hiểm ở lưỡng cực được. Đến chàng ấy thì con nghĩ sao?

— Nếu con phải lấy người ấy thì thiết tưởng thà chết còn hơn.

— Sao con lại nghĩ thế, chàng tuy nghèo thật nhưng ta nghĩ không phải vì thế mà con không muốn kết hôn với chàng.

— Thưa, cha đã hỏi đến câu ấy, con xin tỏ nỗi nguồn cơn. Chàng Lã Hàm ở nhà ta ít lâu sau có ý muốn hỏi con. Trước khi bày tỏ cùng cha, chàng đã ngó ý với con, song con hết sức từ chối, từ chối đến nỗi chàng không còn hi vọng gì cùng con nữa?

— Tại làm sao thế?

— Con cũng không biết nữa, đó là cái đặc tính của con hề thấy chàng thì con sợ lắm.

— Con sợ chàng à, chàng ta là một người hiền lành nhất đời.

— Có nhẽ thế, nhưng cha không sét kỹ, lạ nhất là lúc nói đến cái rừng thâm hiểm kia thì con mắt chàng có ý hơi buồn. Không biết trước khi chàng đến đây thì ở đâu và bây giờ ở đâu?

— Cứ nói cho thực ra, nếu con đã đối đãi với chàng như thế, chắc chàng không ở gần đây nữa đâu. Cứ ý ta sét thì con làm sự khí vội vàng quá, con phải nên sét kỹ mới biết được người này. Cách cử chỉ của chàng tuy hơi lạ, nhưng con phải biết chàng đã quen ở xa nơi thành thị. Đối với đời tuy chàng có ý sao nhãng nhưng thực là một người chính nhân quân tử.

— Thưa, con không kể đến cách cư xử thường tình đâu. Con chắc cái đặc tính thiên nhiên của con không nhầm đâu. Cái đời chàng ta nhiều lúc bất thường lắm, tự ra hình như chàng hơi điên thì phải.

— Không, con ạ, kể chàng ta cũng ngộ nghĩnh thật, song chàng ta thích như thế kia mà. Nói tóm lại chàng chỉ là một người hiếu học, vì chàng đã tự hứa cố gắng hết những điều bí mật khôn lường các nơi thâm lâm cùng cốc.

— Chàng ta định như thế để làm gì?

(Còn nữa)

TRUYỆN LẠ

Khóe lừa con buôn

Phàm nhà buôn phải giữ đức chân thật để được tin nhiệm của khách hàng. Mà nếu là người làm công thì được tin nhiệm của ông chủ. Minh đã thực thà tất nhiên không được lừa lọc người khác. Nhưng cũng nên biết những khóe lừa của kẻ khác để tự mình khỏi phải mắc lừa họ. Mới rồi trong một tờ báo Tây có đăng tin một người thay quyền chủ một công-ty buôn nọ đã thụt két mất 195.000 quan (195000 frs) vì thua bạc rồi giả là mình bị mất cướp để khỏi phải đền món tiền to ấy. Nhưng cái khóe lừa ấy chẳng may tiết lộ cho rên gã chẳng có tiền đền đã bị vào ngồi trong khám. Câu truyện như sau này :

1. — Mở màn bi-kịch

Lúc ấy vào hồi 7 giờ ruỗi tối. Tên Găng đến quét dọn phòng giấy ông Giu-Hanh, một người thay quyền chủ một công-ty xuất cảng nọ. Găng vừa cầm chổi bước vào phòng, tái met mặt mày : không thấy chủ đâu, nhưng nhìn cái tủ sắt đã mở toang cánh cửa mà ở trong đã rỗng tếch cả rồi. Hắn liền chạy đến các phòng khác xem xét các nơi. Đến nhà bếp thấy ông Giu-Hanh nằm sòng sượt ở uat miệng bị nhét rế, chân tay chới chặt ghì với nhau. Gang vội vàng cởi chới cho ông Giu Thanh rơi đi bao cầm. Các nhà chuyên trách và phóng viên các báo đến lo, ông Giu-Thanh thì ặt lại rằng : « Khi trước ở phòng giấy tôi có mấy người làm phụ tôi. Nhưng vì nầy tháng nay Công-Ty không được phát đạt cho nên phải bãi dịch hết thầy người làm công. Một mình tôi vừa thay quyền chủ, vừa đánh may, vừa giữ két. Ban sáng hồi 11 giờ ruỗi tôi đã sắp dọn bàn giấy sắp sửa đứng giấy về ăn cơm thì có hai tên lạ mặt lược vào chao mua lưỡi dao cạo. Tôi không sẵn tiền lẻ liền từ chối, nhưng chúng nhất định mua ra rẽ cho vài gói. Cục chằng đã tôi phải mở tủ sắt dời cái giấy 1000 quan để mua. Tôi vừa quay lưng thốt nhiên một tên bán dao ấy đá tôi một đá khịu xuống, rồi chúng lôi tôi.

xuống nhà Bếp chới lại nhét giẻ vào mồm. Đoạn chúng lên phòng giấy tôi vơ vét tiền nong ở trong tủ sắt ấy. Mất tôi 195.000 quan. Cũng may mà tôi khóa kỹ cái tủ thứ hai rồi, không thì mất tới linh triệu quan ».

2 — Tra xét quân gian

Cứ theo như lời ông Giu-Hanh, hai đứa hung thủ kia chắc độ 25, 30 tuổi, mặc quần áo trang trọng lắm. Hình như chúng cũng thuộc vào một hạng buôn hàng sách chi đây. Sau người Thanh tra mật thám đến xem xét các nơi không thấy vết tay hay vết chân kẻ gian thì lấy làm lạ. Hỏi căn vặn lại ông Giu-Thanh, ông một mực kêu là bị mất cướp thật. Ông lại thề rằng : những điều ông khai đúng sự thực cả... Ôi ! một điều ngờ trong việc tra xét quân gian.

3 — Vì mê cờ bạc

Sau các nhà chuyên trách càng thấy ông Giu-Hanh khai lúc thế này, lúc thế khác càng lấy làm ngờ, ngo vô hạn. Cùng kỳ lý, Giu-Hanh khóc má thủ rằng : « Thưa các Ngài, quả tôi nói dối. Quả tôi làm liều. Chính tôi đã tiêu món tiền 195000 quan. Chính tôi lại giả bị mất cướp để khỏi phải đền. Được ngót một năm nay chủ Công-ty có lòng quá tin yêu cho tôi thay quyền. Tôi tha hồ mà làm bậy : Trước còn mượn két hội tiêu rồi lại giả. Sau đem cả đi vào sòng, thua không gỡ được. Gỡ ra chẳng gỡ lại gỡ vào. Vì thế chưa đầy 3 tháng giới tôi tiêu mất 100 000 quan. Dần dần số tiền thụt ở két ra tôi 195000 quan, Món tiền to quá. khó lòng soay được. Tôi liền giả một chước mở toang tủ sắt ra rồi tự lấy rế nhét vào mồm tôi. tự lấy thùng chới lấy tôi để làm như người bị mất cướp. cũng vì tôi ham mê cờ bạc cho nên mới có cái khóe lừa quỷ quyết ấy. » Ông Giu-Hanh khai xong thì có lệnh đưa ông vào tạm ngồi trong khám để chờ Tòa nghị xử.

VIỆT-SƠN

MỘT BẢN LUẬT NÊN BIẾT

Từ điều thứ 5 thứ 10 bản luật ngày 24 Mai 1834 về dùng súng đạn trận sẽ thi hành ở Đông-Pháp.

Các trường hợp ấy thi hành cho người Tây và người được quyền như người Tây cùng cả người bản-xứ và người Á-đông như người bản xứ mà thuộc quyền tòa án tây.

« Làm ra, hoặc có, hoặc cầm dữ những súng ống đạn dược, hoặc mang khi giới ở trong cũi
« Đông-pháp thì vẫn theo như chỉ dụ 21-4-1918, 29-7-1921 và 27-11-1927.

Bản luật ngày 24-5-1834 về việc được dữ súng đạn trận. — điều 5 — Những kẻ mà trong khi giấy loạn mang súng ống lộ ra ngoài hay giấu kín, hoặc đạn dược, hoặc quần áo giấu hiệu, hoặc đeo cái biểu hiệu riêng gì về văn hay võ thì phải tội đồ.

Nếu vừa mang súng ống đạn dược lộ ra ngoài hay dấu kín mà lại vừa mặc áo giấu hay đeo biểu hiệu gì thì phải tội lưu.

Nếu mà lại lợi dụng khi giới ấy thì phải tội chết.

Điều 6 — Những kẻ trong lúc giấy loạn mà đánh hoặc rọa cướp các cửa hàng khi-giới, các đồn các kho, xưởng súng, các công sở, hoặc bóc lột khi giới của lính tráng để cướp lấy những súng ống và đạn dược thì mỗi tên phạm phải phạt thêm tiền là từ 200 quan đến 5000 quan.

Điều thứ 7 — Những kẻ trong khi rối loạn hoặc đánh hoặc rọa mà xông vào nhà có người ở hoặc nhà ở của người ta thì cũng phải phạt như vậy.

Điều thứ 8 — Những kẻ trong khi rối loạn, để đánh hoặc đề kháng cự lại binh lính mà chèn vào hoặc chiếm lấy các đồn và các công sở thì phải tội đồ.

Vào ở nhà nào hoặc chủ nhà hay người thuê nhà thuận cho cùng phải tội như thế, mà nhà chủ hoặc người thuê ấy đã biết rõ mục đích bọn phiến loạn mà chúng không bắt ép cũng chưa thì cũng đồng tội với bọn kia.

Điều thứ 9 — Những kẻ trong khi biến loạn mà dúp đỡ đề đắp ụ làm rào, đào hầm hoặc các công

việc gì để ngăn trở binh lính tiểu nã thì phải tội đồ ;

Kẻ nào dùng bạo động hoặc rọa râm ; gọi hay sắp quân lính, hoặc phát hịch, truyền bá, phát cờ, phát hiệu, hoặc các cách khác, sui khiến hoặc giúp đỡ cho bọn phiến loạn tụ họp ;

Kẻ nào phá hoại một hay mấy cột giây thép, hoặc đánh hay rọa sông vào một hay nhiều nhà giây thép, hoặc đánh hay là rọa để ngăn cấm không cho thông tin tức lên quan trên.

Điều 10 — Những tội kẻ ở trong luật này không can thiệp gì đến những tội ác trước của phụ nhân hoặc chính hoặc tùy. Nhưng nếu nhị tội đều phát thì lấy tội nặng nhất mà luận.

Sách cấm và báo cấm

Quan Toàn-Quyền Đông-Pháp đã ký nghị-định ngày 4 Octobre 1930 cấm không được mang vào và lưu hành trong cũi Đông-Pháp những báo và sách kê ra sau này :

Báo chữ nho { Shanghai-Pao 上海報
Hong-Ki 紅旗

Sách chữ nho in tại { 現代索隱
Shanghai { 亞西偉人軼事
萬事元始

Báo Trung-Lập có đăng tin rằng:

Quan trên sức cho công chúng hay : những thứ giấy bạc một trăm đồng biên số dưới đây thì cấm không cho tiêu, nếu ai cầm giấy bạc ấy sẽ bị bắt giải đến quan tra xét.

334 A 54	475 A 56	524 A 78
265 B 51	609 B 73	587 F 57
801 C 50	278 C 54	198 C 50
069 C 61	192 H 66	232 H 92
768 K 67	063 M 73	787 N 47
826 N 72	291 O 50	096 O 57
779 R 54	445 S 56	010 S 77
379 V 78	006 W 77	222 Y 59
510 Z 71	070 Z 71	558 C 74

Vậy bà con nên cẩn thận, đừng có tiêu dùng những giấy này mà bị lòi thôi.

Một bản chỉ-dụ nên biết

Chỉ dụ ngày 16 Aout 1930

Điều thứ nhất. — Tại cõi Đông-Pháp cấm không được để các thứ thực phẩm trực tiếp hay gián tiếp lên trên giấy có vẽ hay là bôi mùi.

Cấm không được để các thực phẩm trực tiếp hay gián tiếp trên giấy vẽ hoặc giấy vân vân thủy ba làm bằng phấn chì (sels de plomb) hay là phấn nhân ngòn (ou d'arsenic).

Cấm không được để trực tiếp hay gián tiếp trên giấy viết vẽ tay hay là in bằng mực đen hoặc sặc-sỡ, các thứ thực phẩm không phải là dễ cây, củ, quả có vỏ ráo, rau khô và rau ăn lá.

Điều thứ hai. — Lại cấm không được dùng các thứ giấy khác không phải là giấy chỉ để bọc hàng mới nguyên, màu trắng, mùi thơm hoặc sanh đỏ nhuộm phẩm không có chất độc, để bọc bánh bọc các thứ đồ ăn ướt, mềm có giàu mỡ, có thể dính

vào giấy bọc ấy, ví dụ như thịt lợn thịt bò, thịt gà thịt vịt, cá, thịt nấu rồi, bơ, mỡ, rau-cỏ hoa quả tươi, mứt hay bánh ngọt.

Điều thứ ba. — Giấy bọc hàng mới mà một mặt có tên, chỗ ở, và giấu hiệu gì của hàng bán, thì không kể vào hạng giấy in (nói trên).

...

Chúng tôi thường thấy người ta hay dùng các thứ giấy nhám bạ thứ nào dùng thứ ấy, như giấy nhát trình nhật báo cũ, chanh vẽ cũ, giấy lộn, vân vân để gói đồ ăn và bánh trái. Không kể chi là các thứ mực và các hạng phần nhiều thứ có chất độc nữa, ngay những tờ giấy dùng ấy cũng nhiều khi là giấy bẩn thỉu, coi trướng cả mắt.

Vậy tưởng nên đăng rõ bản nghị này ra đây để các hàng biết mà tuân theo cho khỏi trái phép. Mong rằng các nhà bán hàng thực phẩm biết quý cái vệ sinh chung, giữ gìn sức khỏe mạnh cho thiên hạ lam trọng.

Thư tín vật cùng các bạn đọc-giả

Phúc thư M. Ph. gi. L.

Câu hỏi. — Nguyên thị-X. là em gái chưa xuất giá của tôi có tậu một cái nhà ở tỉnh lỵ T. Được vài năm nó mất.

a) Nay trong nhà chúng tôi, trên là cha mẹ chúng tôi, dưới là tôi cùng là em gái nhỏ tôi và 2 con giai bé của tôi thì ai là người có quyền bán cái nhà ấy?

b) Nếu phải lắm sự phiền phức mới bán được, thì tôi có thể xin sang tên văn tự rồi sau mới đứng bán có được không?

c) Hoặc vì các chủ nợ của thị X. thúc riết thì tôi muốn xin với nhà nước đứng bán cho, rồi trả các khoản cho được không?

d) Ý chúng tôi muốn bán cái nhà ấy ngay, vậy nên theo cách nào cho tiện lợi? Ph. g. L.

Bài trả lời. — a) Còn cha mẹ thì cha mẹ được phép đứng bán, nhưng phải lập biên-bản hội-đồng gia-tộc làm bằng. Biên-bản do người lý-trưởng hoặc trưởng-phố đứng làm, trong nói hết duyên do việc xảy ra, cả họ cùng thỏa thuận lập người cha đứng làm người tuteur, và người mẹ làm tutrice légale, để cai quản và đứng bán cái nhà ấy.

b) Làm cách sang tên rồi bán có lẽ giản tiện hơn.

c) Muốn như thế cũng được.

d) Theo cách ở khoản a) hay cách ở khoản b) đều được cả, nếu không muốn phiền lập hội-đồng gia-tộc thì theo cách ở khoản b) tiện hơn.

Phúc thư M. L. C. D. — Hanoi

Chúng tôi tiếp được bài M. L. C. D. Phổ Sinh-từ Hanoi, gửi cho Bản-chí đầu đề là « **Cùng cô Hoàng-việt-Nga và đồ đệ của cô nên cổ-động cho « Trạch-phối-báo » chống ra đời.** » Đại ý ông công kích mấy cô thiếu-nữ tổ chức cuộc đi bộ. Nhời nhẽ cũng thành thực. Bản-chí tiếc rằng không đăng y như nguyên văn của ông được. Xin ông biết cho rằng Tập-chí không phải như nhật báo để đăng các tin hàng ngày Tuy vậy nhưng cũng khá khen tấm lòng nhiệt thành *Rửa đường giấu thấy bất bằng chẳng tha* của ông. muốn duy trì cái phong hóa đáng kính đáng trọng của nước nhà.

Phúc thư M. T. V. Th. xã Thượng-nông Hưng-hóa

Chúng tôi đã tiếp được thư của ông, nhưng tiếc rằng không đăng bài lai cáo của ông lên Tập-chí được. Xin ông xem bài phúc đáp trên này thì khác rõ.

Một cái Tập-chí là một cơ quan truyền bá văn chương, khoa-học, và tư tưởng, phổ thông các việc tiến ích chung cả quốc dân. Điều gì đáng nói mà có ích chung cho đồng bào thì Bản-chí sẵn lòng đăng ngay không bao giờ giám tiếc.

Còn như việc ông kể trong thư đó là việc loạn luân riêng trong một nhà, tưởng không nên bới sấu người ra làm gì. Song nếu ông cố ý muốn làm, thì tùy ý ông muốn gửi xin đăng ở báo nào thì gửi.



Cuộc bay của cái khinh-khi cầu to nhất thế giới. — Cuộc bay phi công Coste. — Chiếc khinh-khi-cầu của nước Anh R.100 (tên khi-cầu) bay qua Đại-tây-dương từ Anh sang Canada (Bắc Mỹ-châu) trong 79 giờ từ 29 Juillet đến 1er Aout.

Chuyến bay đi bị gặp khó khăn luôn, nào ngược gió, nào gió lốc, gió bão. Chuyến về cũng bị bão.

Chiếc khi-cầu R.100 là chiếc khi cầu to nhất thế-giới ; dài 218 thước, bề ngang 40 thước. Thực là chiếc khi cầu khổng lồ. Sở dĩ gọi là khinh-khi vì là trong ấy chứa đầy những hơi nhẹ.

Chuyến đi này có 44 người cả thủy. Từ nay đường hàng-không mở thêm dần dần mãi ra. Rồi thì xứ này sang xứ kia đều đi bằng tàu bay được cả.

Chuyến bay danh giá nhất là cuộc bay của hai phi công *Coste và Bellonte* cưỡi một chiếc máy bay đặt tên là "*le point d'interrogation*" (?) đã bay từ Ba-lê là kinh-đô nước Pháp sang Nữu-uớc là kinh-đô nước Mỹ, chưa đầy 2 ngày. Nếu dùng tàu thủy thì nhanh nhất cũng phải quá bốn ngày rưỡi.

Chắc các độc giả cũng còn nhớ rằng hai phi-công *Coste và Bellonte* đại tài ấy, chuyến trước đã bay từ Ba-lê sang Mãn-châu có ghé xuống Hanoi.

Bay luôn suốt hàng mấy ngày không nghỉ như vậy, can đảm biết là nhường nào !

Sau này Bản-chi-sẽ tường thuật về các máy bay (khinh-khi cầu và phi-cơ),

Một trận bão ghê gớm thống hại tỉnh thành Saint-Domingue. — Saint-Domingue là kinh thành cũ lao *Haïti* 25.000 dân cư. *Haïti* thuộc về Antilles ở vào giữa khoảng Bắc Mỹ-châu và Nam Mỹ-châu. *Les Antilles* có xứ Martinique và Guadeloupe, xuất sản đường, rượu rum, cà-phê, chuối.

Ở đây thường bị nạn động đất và núi lửa thảm hại.

Tin La Havane 4 Septembre. — Chiều qua bão dữ dội ở thành Saint-Domingue chết vài mươi người, nhà cửa đổ hẳn hết.

Bão luôn trong 4 giờ. Miền Nuava Villa, Duarte và San Carlos bị hại sạch, chết đến hàng nghìn còn

bị thương bao nhiêu chưa rõ. Mấy nghìn người không có chỗ ở. Tồn hại ước đến 15 triệu hoa viên tức là 375 triệu quan.

Hội Hồng-thập-tự ở Hoa-thịnh-đốn đã gửi ngay 372000 quan cho Tổng-trưởng Saint-Domingue để chữa cứu.

Tin ở Nouvelle Orléans 4 Septembre. — Nouvelles Orléans là thành phố về phía nam Hoa-kỳ, trên sông Mississippi. Sông ấy dài hơn 4.500 ki-lô-mét. Ngoài 380.000 dân cư.

Tiếp vô tuyến điện rằng trận bão đã quét sạch Saint-Domingue, sức gió mạnh tới 256 ki-lô mét một giờ. Hà -thử biển có lúc xuống đến hơn 20 độ.

Hai cù lao Açores bị triệt hại.

Cù lao Açores ở về Đại-tây-dương, đối ngạn với vịnh Tây-phi-châu. Rượu nho ngọt, hoa quả như cam, chanh, vãn vãn, xuất sản ở đây có tiếng.

Tin Lisbonne 4 Septembre. — Ngày hôm nay gió bão đã quét sạch cả cù lao Corvo và Flores ở đảo Açores. Bao nhiêu mùa màng hại cả.

TIN TRUNG HOA

Chính phủ Nam-kinh chỉnh đốn lại quân bị. — Sau cuộc nội loạn mới rồi, Tướng-giới-Thạch biết rằng việc thống nhất hiện thời rất khó khăn, vậy đã lệu tính chỉnh đốn lại bộ quân hộ vệ mới dùng người ngoại quốc luyện tập. Hiện đã có 3 đoàn cả thủy có 46 quan võ Đức giầy. Nay định lập thêm 9 đoàn mới, tổng cộng 180.000 quân, thì cần đến độ 100 tương đề giầy.

Tướng sẽ lập binh đoàn tiêu biểu tại Nam-kinh để từ nay bao nhiêu quân gia la do đây mà ra cả.

Tướng-giới-Thạch định nay mai trở về Nam-kinh. Thành-đô Nam-kinh đương sửa soạn mở cuộc mừng khánh hoàn và hoan nghênh tướng

Trương-học-Lương điện cho Phùng và Diêm khuyên nên qui thuận dúp đỡ cho Trung-ương để nên Chính-phủ cường mạnh, và cho địa-vị nước Trung-hoa được nã g cao lên.

VIỆC TRONG NƯỚC

TRUNG-KỲ

Bắt đầu từ sang năm tức là 1931 (Tân-Mùi) trở đi trong Trung-kỳ sẽ thi hành hộ-tịch cũng như ngoài Bắc-kỳ ta. Các thể lệ, sổ sách cũng như các thứ ở ngoài Bắc này.

Phàm các nước văn-minh trên hoàn cầu nước nào cũng phải có các sổ hộ-tịch rõ ràng. Thực là một điều kiện cần trong các mục cốt yếu can hệ đến việc hưng thịnh trong nước.

Nguyên ở Việt-Nam ta, đức Thái-Tổ Nguyễn-Triều, sau khi mở nước và đã bình tĩnh mọi nơi rồi thì cũng đã lưu tâm đến việc ấy. Sau đến đức Minh-Mệnh cũng noi theo. Vì vậy nên ngày xưa dân ta có ba năm một lần điểm mục là thế.

Ngoài Bắc-kỳ nay, cứ kể ra thì các sổ sinh tử gia thú đã có từ năm 1903 khi ấy thì các sổ hãy còn bằng giấy bản mà in chữ nho. Nhưng việc thi hành cũng chưa ngăn nắp cho lắm, nên dân cũng nhãng đi, dân nhiều nơi không khai báo vào sổ, hoặc có vào nhưng cũng qua loa gọi là có để tặc trách mà thôi. Mới từ 1923 trở đi thì thực nhất luật thi hành.

Dân ta nguyên trước sổ dĩ không chịu khai vào sổ cho hết là vì chỉ trông được gần mà thôi, tưởng là nhà-nước lập ra thể cốt để trừ lậu thuế chứ không hiểu thấu cái mục đích cao sa ích quốc lợi dân, ích-quốc vì là ích về đường hưng thịnh trong nước; lợi-dân như là đỡ được những thói gian phi đội tên đội tuổi, tranh chiếm gia tài, vãn vãn. Bây giờ xem ra thì đồng bào ta đã hiểu thấu cả, nên việc cải lương ấy đã thấy có ngăn nắp lắm!

Ở Trung-kỳ, thì năm 1920 quan Nguyễn-khâm sứ thời ấy đã nghĩ đến các việc cải lương cho dân, đã định đem thi hành các hộ tịch qui điều trong ấy.

Ngày nay đã sắp thực hành, chắc là sẽ được bà con trong Trung-kỳ hoan nghênh như là ở ngoài Bắc vậy.

Theo như nhời cung khai của những dân đã quay đầu về thú thì việc biến động xảy ra từ đầu tháng Septembre tại miền Bắc Trung-Kỳ là do những tay độ 30 người xuất dương mới ở Tàu, ở Nga về và một người Việt-Nam đã từng ở sứ-quan Trung-Hoa tại Bá-linh (kinh đô nước Đức) đã

mấy năm làm chủ trương. Việc giệp yên vẫn thanh thỏa không có trở ngại gì.

NAM-KỲ

Saigon sẽ có một trường Trung-Học mới.— Nghe như trong kỳ Đại-hội-dồng Tài-Chính vì có ông Bùi-quang-Chiêu yêu cầu quan Đông-Pháp Hoc-Chinh Tổng-Trưởng ngỏ ý rằng nhà Nước đã định mở ở Saigon một trường Trung-Học mới để thay trường Trung-Học Chasseloup Laubat.

Một nhà nông-gia ta mới chế được một thứ cây mới.— Ông Phạm-quang-Phương là một nhà nông-gia ở Nam-Kỳ đã chế tạo ra được một cái cây rất tiện lợi cho nhà nông ta. Cái cây này dùng bánh xe có lỗ hồng và đáng lẽ thì lắp đằng sau nhưng cây này thì lắp ngay dữa máy, thành thử cái cây đi đến đâu là đất đã lật ra đến đấy rồi.

Bản-chi rất mong mỏi về sự sáng tạo ra cái cây này sẽ được lợi dụng cho toàn quốc để khỏi phụ lòng ông Phương đã vì việc nông mà nghiên cứu bấy lâu nay.

Các vị quý-khách.— Thứ sáu 31 Octobre này đức Khâm-Mạng đức Giáo-Hoàng sẽ đi chuyến xe hỏa ở Huế ra để dự lễ truyền chức đức cha Garcia ở Haiduong.

Đức cha Chaize vào Huế dự lễ truyền chức đức cha Chabanon cũng sẽ cùng đi một chuyến xe ấy ra Hanoi với Ngài.

Lễ tiếp kiến trọng thể.— S. E. le Jonkheer de Graeff Toàn-quyền Nan-dương quần-đảo tới Hanoi chủ nhật 2 Novembre quan Thống-sứ cùng quan sáu Bonnet, quan cai-trị Barrault, Wintrebert đi chiếc tàu l'Inconstant ra hòn đầu đoi để hôm sau 3 Novembre đón rước. Các Ngài sẽ đi thăm vịnh Ha-Long. Sáng 4 Novembre tới Haiphong thì sang ngay chuyến xe hỏa riêng, 11h.23 tới Hanoi.

Đến 6 Novembre thì Thượng-khách sẽ vào Huế quan Toàn-quyền Pasquier sẽ cùng đi với ngài.

Các nơi đương sửa soạn cuộc nghênh tiếp rất trọng thể để đáp lễ lại cho sùng đáng về hồi năm ngoài Ngài đã tiếp rước quan Toàn-quyền Đông-Pháp.

MỘT BÀI DIỄN VĂN QUAN TRỌNG

Bài diễn văn quan Toàn-quyền Pasquier tại Hội-đồng Chính-phủ

Trong bài diễn văn quan Toàn-quyền Pasquier khai mạc Hội-đồng Chính-phủ năm nay có nhiều điều rất hay cần thiết đến lợi chung trong nước, tưởng nên trích dịch ra đây để độc-giả chú tâm cùng biết :

Đại khái Ngài nói rằng nhà Nước Đại-Pháp bảo-hộ chính sách là tùy theo dân trí và tính chất từng xứ mà khai hóa cho dân năm xứ Đông-Pháp này. Ngày nay, trừ xứ Cao-mên và Ai-Lao vẫn trung thành với nhà Nước Bảo-hộ, còn thì ở Việt-Nam cũng có đảng phái tìm đường quấy rối.

Đảng cộng-sản đủ dè lập chi-bộ ở đây, nào hô hào việc đình-công, sui dục bọn lương-dân lao-động và thanh-niên làm cộng sản, ở Trung-kỳ thì Nghệ, Tĩnh, mà Nam-kỳ thì Sa-Đéc.

Nhà Nước đã trừ liệu tiêu trừ ngay rồi, không khi nào lại có dung thứ cho đảng phiến loạn mà lại giám phao ngôn sảng là làm cho quốc thái dân an.

Những đảng phiến-loạn ấy chỉ là một rùm nho nhỏ, còn toàn thể quốc dân vẫn trong sạch không lây sao được; vậy thì quốc dân sẽ dẹp sạch nhà Nước để quét sạch những cái hại ấy.

Nhà nước có cái trọng trách đem cái văn minh Âu Tây là cái văn minh chí nhân trong hoàn cầu, khai hóa cho dân thuộc địa này, tức là xây một cái nền mới vững vàng cho phong hóa Việt-nam.

Vả chẳng ta hãy cứ xem những cái công trình vĩ đại mà nước Pháp đã làm và sẽ làm cho ta thì đủ rõ là nước Pháp đã làm cho ta biết bao nhiêu là điều hay. Ta chỉ nên yên mà làm để cùng với người Pháp mà tẩy trừ cái hại chung.

Quan Toàn-quyền lại nói rằng hiện cái vấn đề, cần nhất quan trọng nhất tức là cái vấn đề học. Bọn thanh-niên ở nhà trường ra bờ ngõ, chưa có lịch duyệt gì thường hay bị những cái thuyết giở nó làm hại. Cũng vì là cái chữ hiểu ở dân tộc ta ngày nay chỉ còn có cái danh hiệu hảo đấng mà thôi.

Thực thế, bọn thanh niên cũng có nhiều người kém gia giáo, chưa chi đã vội tưởng có mình là hay, những cả đạo gia đình, tưởng mình đã ăn phải đũa tây học là hơn cả tiền nhân và đồng bào rồi. Vậy thì nên lập lại Bộ-học để Nam-triều được kiểm soát sự giáo hóa cho quốc dân.

Quan Toàn-quyền lại nói nhất quyết rằng nước Đại-Pháp không hề bao giờ có nghĩ đến việc hợp tính cõi Đông-Pháp này. Nước Pháp kính hòa-ước chứ không khi nào lại coi hòa-ước như không. Nước Pháp chỉ cốt làm cho dân tộc Việt-Nam được giải phóng chứ không để cho mắc vào vòng nô-lệ. — để cho dân-tộc Việt-Nam luyện lấy cho có đức tính phong hóa tốt mà tự nâng được địa vị cao lên. Nhưng nếu lấy khởi nghịch và cộng-sản mà giải phóng thì nước Pháp sẽ đáp lại rằng không khi nào lại để như vậy, nước Pháp sẽ dùng binh lực mà dữ lấy công quyền.

Nhà nước Đại-Pháp sẽ cứ chiếu theo hòa ước năm giáp-thân (Kiến-phúc nguyên-niên 1884) đem cái chính thể quân-chủ Việt-Nam cải cách cho hợp với tân thời, vậy thì phải khai phục cái chính sách cai-trị cũ, giả quyền lại cho quan An-nam trong những sự vụ mà quý-quan đã phải thay vào.

Nay mai đức Bão-Đại sẽ hồi giá để nhận cái ngôi báu chí trọng trong nước. Ngài sẽ là một vị Hoàng-thượng tối tôn thứ nhất ở nước Nam.

Nước Việt-nam sẽ tô điểm lại mới, giang sơn này sẽ trỗi lợi dục dờ khắp cõi Đông-Pháp. Chính thể Đông-Pháp sau cùng sẽ là một đoàn thể mấy nước hợp tác dưới quyền Đại-Pháp. Lúc bấy giờ người một xứ sẽ vừa là quốc-dân trong xứ mình về đường chính trị được hưởng quyền riêng, lại vừa là dân một nước Hợp-nhất thì đối với phương diện xã-hội lợi chung lại rộng rãi thêm nữa.

Thực là một công cuộc vĩ đại nên đào tạo, cần phải hết thầy mọi người nhất quyết một trí kiên nhẫn, một gia thủy chung, một lòng thành thực. Mà cần nhất là đôi bên phải đồng tâm tin nhiệm mới được.

Những công cuộc ấy có thể hoàn thành mà các bậc đứng lái chịu sào muôn việc khỏi thấy đảng đối-trí, phiến-loạn cùng đủ các hạng tự xưng là bác-ái nhân-loại, kiếm cách bai-bác bỉ-báng mà chột gĩa ngã lòng chẳng. Đệ nhất là bọn Xã-hội-đảng, mà người ngoài đã thừa hiểu rằng cái tình ái-quần của họ chỉ là để đủ che lấp cái thói tham bô dè mạt riêng của họ mà thôi.

F.D.T.C.

SOCIÉTÉ INTERNATIONALE D'ÉPARGNE

(Hội Vạn-Quốc để dành tiền)

Công-ty nạc danh của người Pháp giúp sự góp tiền để dành cho thành vốn.

Tổng cục ở số 7, phố Edouard VII, Thượng-hải

Vốn của công-ty là 65.000 lạng bạc Thượng-hải (một nửa đóng rồi)
và 2.000.000 quan tiền Pháp (một phần tư đóng rồi)

Tiền trừ bị đến ngày 30 Novembre 1929 : 34.437.746.00 đồng bạc Thượng-hải.

Quản lý cõi Đông-pháp : 25, đường Guynemer. — SAIGON — Téléphone 571

Quản lý Trung - Bắc - Kỳ : phố Bognis Desbordes. — HANOI — Téléphone 659

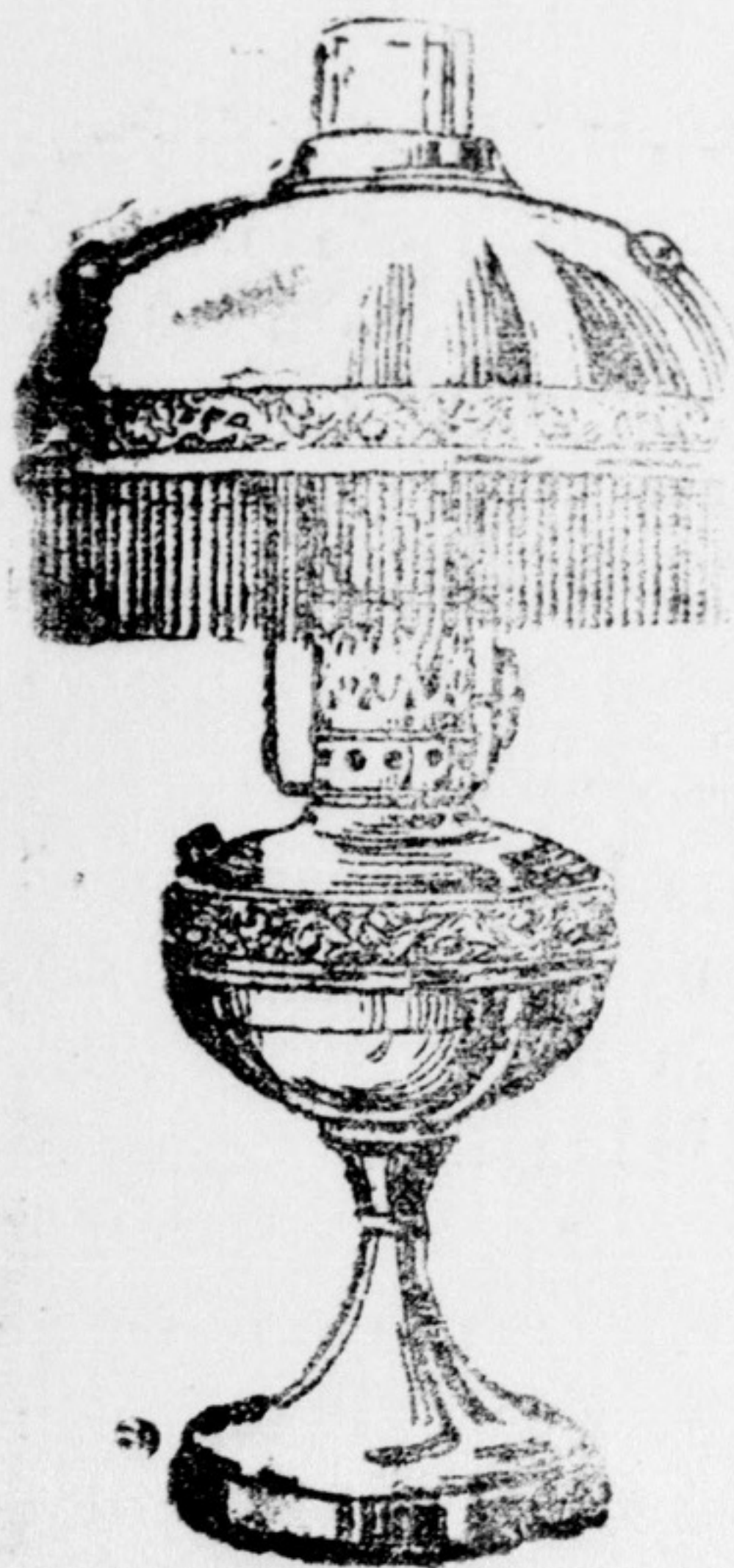
Hội thuộc quyền kiểm-duyet của phủ Toàn-Quyền Đông-Pháp. Tiền hùn lưu-trữ nhận được ở Đông-Pháp thì ký tại nhà Ngân-hàng Đông-Pháp ở Saigon

- Muốn tiết kiệm, muốn gây lấy tư-bản, muốn cho con gái có tư-trang hồi môn nên lấy một phiếu để dành

CÓ HAI CÁCH GÓP VỐN THỜI HẠN KHÁC NHAU :

Một cách góp trong 10 năm và đến cuối năm thứ 12 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

Một cách góp trong 5 năm và đến cuối năm thứ 8 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi



Ai sành chơi đèn thì
chỉ dùng đèn manchon

ASIATIC

và đèn đun SVEA

Vừa tiện vừa rẻ
có đèn đun nội
hóa. Bán, chữa các
thứ đèn, đèn pile.

Ở XA VIẾT THƯ VỀ
LẤY CATALOGUE Ở

Dang-van-Tan

— Lampiste —

ĐÃ GIỌN LẠI 29
Hàng Bông Đệm Hanoi

THINH-HUNG

27, RUE DU COTON, HANOI
Bản-hiệu bán đủ các thứ nệm chân,
màn, màn gong, chăn, gối và các thứ
ghế mây kiểu thonet.

Bàn sơn mài áo vân vân...

Kiểu đẹp hàng tốt giá rẻ.

ARTICLE POUR LITERIE — CHAISES
GENRE THONET — TABLES ET
PORTE-MANTEAUX EN BOIS ET EN
ROTIN LAQUÉS

Bản - Chí khái sự

Mua báo xin giả tiền trước. Nhưng ban đầu nhiều ngài có lòng yêu gửi mua Tạp-chí, tuy chưa gửi tiền giả, Bản-chí cũng đã vui lòng gửi báo hầu các ngài ngay. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin gửi mandat về cho.

TỨ-DÂN TẠP-CHÍ

Imp. Spéciale de TỨ-DÂN TẠP-CHÍ

Le Gérant : TIẾT-NHU-NGỌC

BANQUE DE L'INDOCHINE

ĐÔNG PHÁP HỘI-LÝ NGÂN HÀNG

Được đặc quyền sáng lập ra từ năm 1875

Vốn Hội : Francs 72.000.000

Tổng cộng khoản dự bị ngân đến ngày 30 Décembre 1928 Francs 105.900.000.

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Chánh : M. Stanislas Simon, Chánh hội đồng trị-sự công-ty Hỏa-xa Đông-dương Văn-nam.

Phó : M. Paul Boyer, Chánh hội Thương-cục Comptoir National d'Escompte de Paris.

Tổng quản lý M. René Thion de la Chaume, Nguyên thanh tra bộ Tài-chính.

Chủ nhiệm :

Nhà hội chính : 96, Boulevard Haussman Paris (Ville)

CHỈ ĐIỂM Ở CÁC NƠI :

TRUNG HOA :

Canton Shanghai
Fort-Bayard. Tien'sin
Hankéou Yunanfon
Hong-kong
Mongtzen
Pékin

ĐÔNG-DƯƠNG :

Battambang Phnom-penh
Cantho Qui-nhon
Haiphong Saigon
Hanoi Thanhhoa
Hué Tourane
Nam dinh Vinh

CÁC NƠI KHÁC :

Bangkok
Djibouti
Nouméa
Papeete
Pondichéry
Singapore

Thư từ giao dịch khắp cả hoan cầu

Nhận các việc về Ngân-Hàng, Change et Titres — (có tử bạc cho thuê — Ai cần việc gì, viết thư hỏi, xin giả lời ngay.

Adresse Télégraphique (Diêm bưn tín điện Indochine)

Giấy nói : Hanoi số 497 — Haiphong số 26 — Namdinh số 90 — Vinh số 45 — Thanhhoa số 37
(mở cửa ngày thứ ba)

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÔNG TY NẤU RƯỢU ĐÔNG-PHÁP

Nhà máy

Hai-duong, Hanoi

= Nam-dinh =

Cholon - Binhtay

Các thứ rượu ta

— rượu mùi

— thấp đèn

Rượu Rhums-Tafias

== Râm ==

TRONG GÓI CHÈ
CÓ ĐỒNG TIỀN
VÀNG THƯỜNG

棧

茶



泰

金

KAM TAI
CHÍNH HIỆU CHÈ KIM THÁI



CHÈ MỚI ĐAU XUÂN HIỆU

泰 KIM-THÁI 金

HANOI PHỐ HÀNG NGANG SỐ 3

HAIPHONG PHỐ KHÁCH SỐ 140

CLICHÉ A.P.

Phạm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà
có giá trị thì thấy có chữ ký

Huong K. HANOI